

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT



*(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4600941221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp
đăng ký lần đầu ngày 22/03/2011, thay đổi lần thứ 8 ngày 01/12/2017)*

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

*(Quyết định đăng ký niêm yết số/2018/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán
Hà Nội cấp ngày ... tháng ... năm 2018)*

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

TỔ CHỨC NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

Trụ sở chính : Xã Diêm Thụy, Huyện Phú Bình, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Điện thoại : (84 - 28) 0656 7898 **Fax:** (84 - 28) 0356 9898
Website : <http://tdtgroup.vn/>

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Trụ sở chính : Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng,
Tp. Hà Nội
Điện thoại : (84 - 24) 3972 4568 **Fax:** (84 - 24) 3972 4600
Website : www.vndirect.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên : Nguyễn Việt Thắng **Điện thoại:** 0989.539.088
Chức vụ : Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

*(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4600941221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp
đăng ký lần đầu ngày 22/03/2011, thay đổi lần thứ 8 ngày 01/12/2017)*



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán	:	TDT
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu niêm yết	:	8.015.040 <i>(Tám triệu không trăm mười lăm ngàn không trăm bốn mươi) cổ phiếu</i>
Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá	:	80.150.400.000 <i>(Tám mươi tỷ một trăm năm mươi triệu bốn trăm ngàn) đồng</i>

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Trụ sở chính	:	Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, P. Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
Điện thoại	:	(84 - 24) 3972 4568 Fax: (84 - 24) 3972 4600
Website	:	www.vndirect.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BCTC NĂM 2017

CÔNG TY TNHH PKF VIỆT NAM

Trụ sở chính	:	Tầng 10, tòa nhà Center Building, Hapulico Complex, Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại	:	(84 - 24) 6664 4488 Fax: (84 - 24) 6664 2233
Website	:	http://www.pkf.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	8
1. Rủi ro về kinh tế.....	8
1.1. Triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới.....	8
1.2. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam.....	9
1.3. Lãi suất.....	10
1.4. Lạm phát.....	11
2. Rủi ro pháp lý.....	12
3. Rủi ro đặc thù ngành.....	12
3.1. Rủi ro cạnh tranh.....	13
3.2. Rủi ro về thị trường.....	13
3.3. Rủi ro về nguyên vật liệu.....	14
3.4. Rủi ro về nguồn nhân lực.....	14
3.5. Rủi ro về quản trị công ty.....	14
4. Rủi ro khác.....	15
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	16
1. Tổ chức niêm yết.....	16
2. Tổ chức tư vấn.....	16
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	17
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	19
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	19
1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết.....	19
1.2. Quá trình hình thành, phát triển.....	19
1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ.....	21
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty.....	25
2.1. Đại hội đồng cổ đông.....	26
2.2. Hội đồng quản trị.....	26
2.3. Ban kiểm soát.....	26
2.4. Ban Tổng Giám đốc.....	27
2.5. Các bộ phận, phòng ban trực thuộc:.....	28
4. Danh sách cổ đông và cơ cấu cổ đông.....	32
4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty.....	32
4.2. Cổ đông sáng lập.....	32
4.3. Cơ cấu cổ đông.....	33
6. Hoạt động kinh doanh.....	33
6.1. Sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty.....	33

6.2.	<i>Nguyên vật liệu</i>	37
6.2.1.	<i>Nguồn nguyên vật liệu</i>	37
6.2.2.	<i>Ảnh hưởng của giá nguyên vật liệu lên Doanh thu và Lợi nhuận của Công ty</i>	37
6.3.	<i>Chi phí sản xuất</i>	37
6.4.	<i>Trình độ công nghệ</i>	38
6.5.	<i>Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ</i>	40
6.6.	<i>Hoạt động Marketing và bán hàng</i>	43
6.7.	<i>Nhãn hiệu thương mại, sứ mệnh, tầm nhìn và chiến lược kinh doanh của Công ty</i>	44
6.8.	<i>Các Hợp đồng lớn đã thực hiện hoặc đã ký kết</i>	45
7.	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	47
7.1.	<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>	47
-	48	
7.2.	<i>Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo</i> 48	
8.	<i>Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành</i>	50
8.1.	<i>Vị thế của công ty trong ngành</i>	50
8.2.	<i>Triển vọng phát triển của ngành</i>	51
8.3.	<i>So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành</i>	54
8.4.	<i>Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới</i>	55
9.	<i>Chính sách đối với người lao động</i>	58
10.	<i>Chính sách cổ tức</i>	60
11.	<i>Các chỉ tiêu cơ bản</i>	61
11.1.	<i>Trích khấu hao TSCĐ</i>	61
11.2.	<i>Mức lương bình quân</i>	61
11.3.	<i>Thanh toán các khoản nợ đến hạn</i>	61
11.4.	<i>Các khoản phải nộp theo luật định</i>	62
11.5.	<i>Trích lập các quỹ</i>	62
11.6.	<i>Tổng dư nợ vay</i>	62
NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH THÁI NGUYÊN		
63		
11.7.	<i>Tình hình công nợ hiện nay</i>	65
11.8.	<i>Chỉ tiêu hàng tồn kho</i>	67
11.9.	<i>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu</i>	68
12.	<i>Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng</i>	69
12.1.	<i>Hội đồng quản trị</i>	69

12.2.	<i>Ban Tổng Giám đốc</i>	75
12.3.	<i>Ban kiểm soát</i>	75
12.4.	<i>Kế toán trưởng</i>	79
13.	Tài sản thuộc sở hữu Công ty.....	79
14.	Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo.....	81
15.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	83
16.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết.....	84
17.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.....	84
V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	85
1.	Loại chứng khoán.....	85
2.	Mệnh giá.....	85
3.	Mã chứng khoán.....	85
4.	Tổng số chứng khoán niêm yết	85
5.	Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết	85
6.	Giá trị sổ sách.....	86
7.	Phương pháp định giá.....	86
8.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	87
9.	Các loại thuế có liên quan	88
9.1.	<i>Đối với Công ty</i>	88
9.2.	<i>Đối với nhà đầu tư</i>	88
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI TỔ CHỨC NIÊM YẾT	90
VII.	PHỤ LỤC	91

DANH MỤC BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 20/4/2018	32
Bảng 2: Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm 20/4/2018	33
Bảng 3: Cơ cấu Doanh thu thuần của Công ty	35
Bảng 4: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty.....	36
Bảng 5: Tỷ trọng các yếu tố chi phí trên doanh thu thuần	37
Bảng 6: Quy trình kiểm tra chất lượng công đoạn trên chuyền may (INLINE)	42
Bảng 7: Một số các hợp đồng lớn đã thực hiện hoặc đã ký kết năm 2017.....	45
Bảng 8: Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty	47
Bảng 9 : So sánh kết quả kinh doanh của một số Công ty cùng ngành đã niêm yết/ĐKGD năm 2017.....	55
Bảng 10: Các mục tiêu cụ thể của ngành may mặc đến năm 2030	56
Bảng 11 : Số lượng lao động tại Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT.....	58
Bảng 12: Tình hình chi trả cổ tức các năm gần nhất.....	60
Bảng 13: Khấu hao tài sản cố định.....	61
Bảng 14: Mức lương bình quân.....	61
Bảng 15: Chi tiết các khoản Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Công ty.....	62
Bảng 16: Chi tiết số dư các khoản vay của Công ty	62
Bảng 17: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty	65
Bảng 18: Chi tiết các khoản phải trả của Công ty	66
Bảng 19: Hàng tồn kho Công ty.....	67
Bảng 20: Các chỉ tiêu tài chính Công ty.....	68
Bảng 21: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm tài chính 2018 -2019	82
Hình 1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế qua các năm 2000 – 2018F.....	9
Hình 2: Lạm phát Việt Nam qua các năm 2000 – 2018F.....	11
Hình 3: Trụ sở Công ty TDT tại Thái Nguyên.....	20
Hình 4: Nhà xưởng của Công ty TDT.....	20
Hình 5: Biểu đồ tăng trưởng chuyền may và lao động qua các năm.....	21
Hình 6: Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý	25
Hình 7: Các phương thức xuất khẩu hàng may mặc	34

Hình 8: Máy lập trình trần bông điện tử CHNKI	39
Hình 9: Phòng thí nghiệm vải của Công ty TDT	39
Hình 10: Quy trình kiểm tra chất lượng công đoạn trên chuyền may (INLINE).....	41
Hình 11: Phó Thủ tướng Phạm Bình Minh phát biểu trong chuyến thăm Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT năm 2018	44
Hình 12: Giải bóng đá CBCNV TDT năm 2017	44
Hình 13: Tỷ lệ giá trị xuất khẩu sang các thị trường của TDT năm 2017.....	47
Hình 14: Biểu đồ tăng trưởng Tổng doanh thu, Lợi nhuận sau thuế.....	48
Hình 15: Chuỗi giá trị may mặc toàn cầu.....	51
Hình 16: Đồ thị biểu diễn giá trị gia tăng của chuỗi giá trị may mặc	51
Hình 17: Giá trị xuất khẩu may mặc của Việt Nam	54

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của một nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng GDP, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái. Các yếu tố trên có ảnh hưởng không nhỏ và tác động mang tính hệ thống đến toàn bộ nền kinh tế. Do đó, sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT nói riêng.

1.1. Triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới

Trong năm 2017, kinh tế toàn cầu tiếp tục thể hiện đà tăng trưởng mạnh mẽ từ 2016. Tăng trưởng GDP toàn cầu dự kiến đạt mức khoảng 3% trong năm 2017. Kinh tế toàn cầu khởi sắc phản ánh sự phục hồi ở các nền kinh tế tiên tiến với điều kiện xuất khẩu đang thay đổi theo chiều hướng có lợi cho các quốc gia đang phát triển và thị trường mới nổi. Trong số các nền kinh tế phát triển, tăng trưởng tại Hoa Kỳ được đánh giá là đang hồi phục do chi tiêu dùng tăng trở lại mặc dù thị trường lao động bị thắt chặt, đặc biệt đối với người nhập cư và đến từ nước ngoài. Khu vực đồng Euro cũng có mức tăng trưởng cao hơn dự kiến nhờ tình hình kinh tế được cải thiện chung ở các quốc gia, chi tiêu của hộ gia đình và tổng đầu tư toàn xã hội đều tăng lên.

Trong số các quốc gia đang phát triển và thị trường mới nổi, Brasil và Liên bang Nga đã bắt đầu tăng trưởng trở lại sau đợt suy thoái sâu kéo dài, còn tăng trưởng của Trung Quốc vẫn ổn định. Tăng trưởng thương mại hàng hóa toàn cầu bắt đầu khôi phục từ giữa năm 2016 sau hai năm yếu kém rõ rệt và vẫn tiếp tục đi lên trong năm 2017 với tốc độ tăng trưởng khoảng 4%. Thương mại toàn cầu đang được phục hồi toàn diện, với tốc độ tăng trưởng theo xu hướng đi lên ở cả các nền kinh tế tiên tiến cũng như ở các quốc gia đang phát triển và thị trường mới nổi.

Về triển vọng tăng trưởng trong năm 2018, các nền kinh tế phát triển cũng như các quốc gia đang phát triển và thị trường mới nổi được dự báo sẽ tăng trưởng ở mức cao hơn dự kiến do quá trình phục hồi mạnh mẽ nhờ vào đầu tư từ Hoa Kỳ và khu vực đồng Euro, cũng như sự phục hồi của các quốc gia xuất khẩu quan trọng - qua đó có thể đem lại tác động lan tỏa tích cực đáng kể trên quốc tế trong ngắn hạn. Trong đà phát triển này, có một số rủi ro vẫn tiềm ẩn bao gồm chủ nghĩa bảo hộ ở một số quốc gia như Hoa Kỳ, điều kiện tài chính toàn cầu đang bị thắt chặt, qua đó có thể gây ảnh hưởng đến các thị trường mới nổi còn dễ bị tổn thương. Bên cạnh đó là khả năng bất ổn do tình hình chính trị và địa chính trị còn nhiều bất định. Chỉ cần những lưu chuyển vốn và thương mại toàn cầu bị ách tắc do một vài nền kinh tế tiên tiến chuyển sang chính sách hướng nội, điều đó sẽ gây nhiễu loạn trong hoạt động của các chuỗi giá trị toàn cầu, gây cản trở đầu tư, giảm năng suất và tốc độ tăng trưởng trên toàn cầu¹.

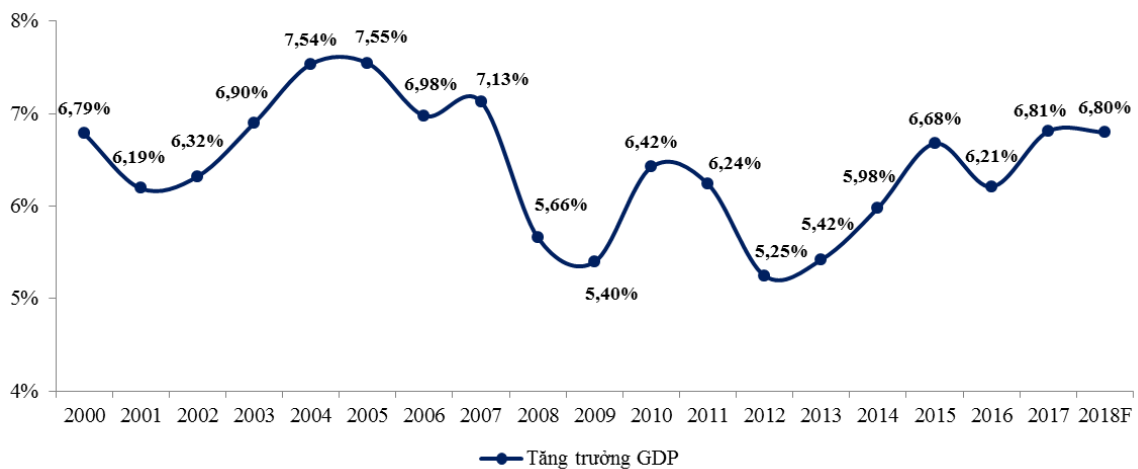
¹Báo cáo Điểm lại của World Bank: Cập nhật tình hình phát triển kinh tế Việt Nam tháng 12/2017

Tất cả các vấn đề về sự tăng trưởng kinh tế thế giới tuy không ảnh hưởng trực tiếp nhưng sẽ gián tiếp ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán Việt Nam cũng như hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT.

1.2. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Từ sau khi chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào ngày 11/01/2007, nền kinh tế Việt Nam đã hội nhập sâu rộng với nền kinh tế toàn cầu. Sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam ngày càng gắn kết chặt chẽ với xu thế phát triển chung của thế giới.

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế qua các năm 2000 – 2018F



(Nguồn: Số liệu của Tổng cục Thống kê)

Năm 2014, với mức tăng trưởng GDP 5,98%, Việt Nam đã chính thức trở thành nước có tốc độ tăng trưởng GDP cao thứ 02 thế giới sau Trung Quốc. Đến năm 2015, Việt Nam đã ghi nhận tốc độ tăng trưởng GDP 6,68%, vượt qua mục tiêu 6,2% của Chính phủ. Bước sang năm 2016, dù không đạt mục tiêu tăng trưởng 6,8% nhưng tốc độ tăng trưởng GDP 6,21% cho thấy Việt Nam vẫn là một trong những nền kinh tế tăng trưởng mạnh nhất Châu Á. Năm 2016 là năm khởi đầu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020. Đây cũng là năm khởi đầu một tiến trình hội nhập mới khi hàng loạt cam kết hội nhập có hiệu lực. Việc áp dụng các chính sách vĩ mô một cách hiệu quả của Chính phủ giúp giảm rủi ro về kinh tế đối với giới doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực may mặc nói riêng, trong đó có TDT.

Năm 2017, nền kinh tế phản ánh kết quả tốt trong các ngành xuất khẩu, nhu cầu trong nước và ngành nông nghiệp đang từng bước phục hồi. Sau khi bị chững lại trong quý đầu, tăng trưởng bắt đầu bật lại mức 6,2% (so với cùng kỳ năm trước) trong quý hai và tăng lên đến 7,5% trong quý ba, nâng tốc độ tăng trưởng trong chín tháng đầu năm lên đến 6,4% so với cùng kỳ năm trước và đạt mức ấn tượng 6,81% trong cả năm 2017. Lạm phát thấp và lòng tin của người tiêu dùng được giữ vững khiến cho tiêu dùng ở khu vực tư nhân tăng lên, và hoạt động đầu tư lại được hỗ trợ bởi dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài kết hợp với tăng trưởng tín dụng cao. Bên cạnh đó, nhu cầu từ thị trường được khôi

phục cũng trợ giúp cho các ngành nông nghiệp và chế tạo, chế biến định hướng xuất khẩu với kim ngạch xuất khẩu tăng 21% trong ba quý đầu năm.

Theo dự báo của Tổng cục Thống kê, GDP Việt Nam có thể tăng lên 6,8% trong năm 2018 nhờ tình hình kinh tế thuận lợi. Trong đó, một nhân tố chính sẽ tác động mạnh mẽ đến tình hình kinh tế trong năm tới của Việt Nam là Hội nghị APEC. Hội nghị vừa được tổ chức tháng 11 năm 2017 vừa qua tại Đà Nẵng đã tạo ra cơ hội tăng cường hợp tác giữa 21 nền kinh tế nội khối trên cơ sở các nguyên tắc hợp tác đối thoại cởi mở, đồng thuận, bình đẳng, tự nguyện và cùng có lợi, định hình tương lai hợp tác sau năm 2020 vì tăng trưởng bền vững. APEC hiện chiếm 40% dân số, gần 60% GDP và 49% giao dịch thương mại toàn cầu, chiếm 78% FDI, 75% kim ngạch thương mại. Đặc biệt, có tới 13 thành viên APEC là đối tác chiến lược và chiến lược toàn diện của Việt Nam. Chính vì vậy, thành công của APEC 2017 sẽ mở ra cơ hội to lớn cho doanh nghiệp nhiều lĩnh vực, nhất là doanh nghiệp may mặc vốn luôn là ưu tiên trong đàm phán của Việt Nam. APEC là cơ hội để doanh nghiệp may mặc trong nước tiếp xúc với các nhà đầu tư nước ngoài, khách hàng lớn tiềm năng. Đây cũng là cơ hội để các doanh nghiệp đánh giá năng lực của mình với các đối thủ cạnh tranh khác trong khối và nâng cao khả năng phát triển thị trường mới. Do đó, là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu hàng may mặc, CTCP Đầu tư và Phát triển TDT sẽ được hưởng lợi từ cơ hội mở rộng thị trường này và có cơ hội hoạch định chiến lược phù hợp để tận dụng đà tăng trưởng chung của nền kinh tế trong thời gian tới.

1.3. Lãi suất

Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành.

Năm 2016, các chỉ tiêu tiền tệ biến động đúng định hướng Ngân hàng Nhà nước đề ra từ đầu năm. Mặc dù có áp lực tăng nhưng với việc thực hiện linh hoạt các giải pháp của Ngân hàng Nhà nước, mặt bằng lãi suất được giữ ổn định, một số tổ chức tín dụng giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay năm 2016 phổ biến khoảng 6,8% - 9%/năm đối với kỳ hạn ngắn và 9,3% - 11%/năm đối với trung và dài hạn; đối với khách hàng có xếp hạng tín nhiệm cao, lãi suất cho vay ngắn hạn ưu đãi có thể nằm trong khoảng 4-5%/năm.

Năm 2017, trong bối cảnh lạm phát có xu hướng tăng thấp, thanh khoản toàn bộ hệ thống ngân hàng khá tốt và việc thủ tướng yêu cầu NHNN phần đầu đưa tăng trưởng tín dụng trong cả năm 2017 đạt trên 18%, NHNN đã ban hành 2 quyết định quan trọng về điều chỉnh giảm lãi suất điều hành và trần lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên². Cụ thể NHNN giảm lãi suất tái cấp vốn từ 6,5% xuống 6,25%/năm; lãi suất tái chiết khấu từ 4,5% xuống 4,25%/năm; lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với các ngân hàng từ 7,5% xuống 7,25%/năm. Đây là đợt điều chỉnh đầu tiên của NHNN sau

² Nguồn: Quyết định số 1424/QĐ-NHNN và Quyết định số 1425/QĐ-NHNN.

hơn ba năm giữ nguyên lãi suất điều hành từ năm 2014. Tính đến thời điểm 31/12/2017, nợ phải trả của TDT (Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017) là 114,9 tỷ đồng, tương đương với 54,91% tổng nguồn vốn, trong đó vay và nợ ngắn hạn là 74,2 tỷ đồng. Trong năm 2017, Công ty đã được hưởng lợi từ hai quyết định này và do đó chi phí lãi vay được giữ tương đối ổn định.

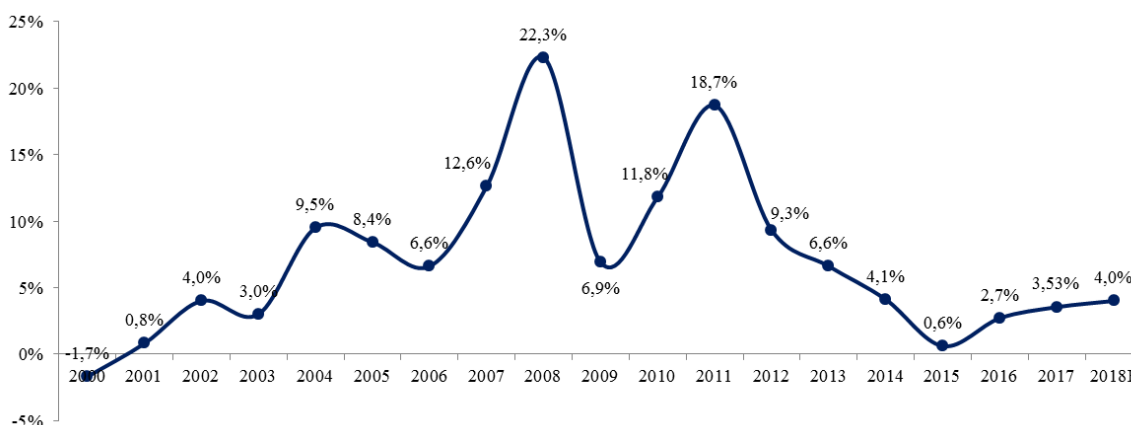
Sang đến năm 2018, ngay sau Hội nghị triển khai nhiệm vụ ngân hàng, Thủ tướng Chính phủ đã có chỉ đạo thông qua Nghị quyết 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 và cùng với chỉ đạo của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (NHNN), hàng loạt ngân hàng đã cam kết thực hiện giảm lãi suất cho vay. Cơ sở để cho các ngân hàng giảm lãi suất cho vay trong năm 2018 được đánh giá là bền vững hơn trong bối cảnh điều kiện kinh tế vĩ mô được dự báo tương đối ổn định trong năm này. Thị trường tiền tệ nói chung đã dần trở lại ổn định và đặc biệt lãi suất thị trường có dấu hiệu giảm trong năm 2018 sẽ là yếu tố làm giảm chi phí vốn và rủi ro lãi suất của Công ty trong thời gian tới.

1.4. Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực may mặc, trong đó có Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT, lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng trực tiếp và làm gia tăng các chi phí đầu vào, bao gồm chi phí nhân công và các chi phí khác.

Theo những số liệu được công bố, trong những năm gần đây Việt Nam đang đứng trước sức ép gia tăng lạm phát. Tuy nhiên, bắt đầu từ năm 2014, để ổn định nền kinh tế, chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu kiểm soát lạm phát ở mức 4,0%.

Hình 2: Lạm phát Việt Nam qua các năm 2000 – 2018F



(Nguồn: Số liệu của Tổng cục Thống kê)

Đỉnh điểm lạm phát tại Việt Nam là 22,3% vào năm 2008 là do khủng hoảng tài chính dẫn đến sự suy thoái trong ngành ngân hàng vào giai đoạn 2008 – 2010. Ngay sau đó, Chính phủ đã nới lỏng chính sách tài khóa để giải quyết với những vấn đề kinh tế trong giai đoạn 2011 – 2013. Kết thúc năm 2013, các điều kiện kinh tế vĩ mô của Việt Nam đã ổn định hơn so với thời kỳ bất ổn đầu năm 2012. Theo Tổng cục Thống kê Việt Nam, lạm phát năm 2013 được kiểm chế, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2013 tăng 6,0%,

thấp nhất trong 10 năm qua và đạt mục tiêu của Chính phủ đề ra là khoảng 8% so với năm 2012.

Chỉ số lạm phát ổn định sẽ đảm bảo thực thi hiệu quả chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà Nước cũng như duy trì tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế bền vững và ổn định. Theo định hướng của Quốc hội cho các năm tiếp theo, chỉ số lạm phát của Việt Nam vẫn duy trì ở mức ổn định từ 4 – 5%. Theo đó, lạm phát cơ bản bình quân của năm 2017 là 3,53% và được dự báo sẽ ở mức dưới 4% tính cho cả năm 2018.³

Để giảm thiểu rủi ro lạm phát đối với hoạt động của Công ty, Ban lãnh đạo Đầu tư và Phát triển TDT thường xuyên cập nhật, chủ động dự báo sớm thời điểm phát sinh nhu cầu vốn, tăng cường công tác kiểm soát định mức chi phí, tăng cường tiết kiệm chi phí sản xuất. Điều này góp phần duy trì biên lợi nhuận ở mức hiệu quả và làm giảm thiểu tối đa những rủi ro có thể phát sinh gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

2. Rủi ro pháp lý

Rủi ro về luật pháp phát sinh khi có những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh các hoạt động của Công ty, và những chiến lược phát triển ngành may mặc trong nước và thế giới. Hiện tại, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản dưới luật liên quan khác. Ngoài ra, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc thay đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sẽ có ảnh hưởng đến hoạt động của công ty. Bên cạnh đó, là một đơn vị xuất khẩu, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của luật pháp liên quan đến hoạt động xuất khẩu. Điển hình là các chính sách về thuế nhập khẩu, hạn ngạch. Tuy được hưởng lợi từ các hiệp định thương mại quốc tế nhưng đó cũng là thách thức lớn đối với ngành may mặc của Việt Nam nói chung cũng như đối với TDT nói riêng. Bất cứ sự thay đổi nào của các quy định nói trên cũng có nguy cơ tác động tiêu cực đến hoạt động của Công ty.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, ban điều hành TDT đã liên tục cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp. Để ngăn chặn các rủi ro phát sinh theo hướng tiêu cực, Công ty đã xây dựng hệ thống quản trị nội bộ chuẩn mực, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.

3. Rủi ro đặc thù ngành

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu may mặc, ngoài những rủi ro nêu trên, Công ty Đầu tư và Phát triển TDT còn có khả năng đối mặt với những rủi ro đặc thù sau:

³ Nguồn: <http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/thoi-su/2017-12-26/tang-truong-kinh-te-viet-nam-nam-2018-co-the-dat-65-68-51952.aspx>

3.1. Rủi ro cạnh tranh

Với những lợi thế sẵn có về ổn định kinh tế - xã hội và đặc biệt là nguồn lao động, Việt Nam là một trong những quốc gia xuất khẩu hàng may mặc lớn nhất thế giới và hiện vẫn đang tăng trưởng nhanh. Trong đó, Hoa Kỳ đứng đầu thị trường xuất khẩu chính của ngành may mặc Việt Nam với 48,12% tỷ trọng trong tổng kim ngạch xuất khẩu, đạt 12,53 tỷ USD, tăng 9,4% so với năm 2016. Ba trọng tâm xuất khẩu còn lại là EU, Nhật Bản và Hàn Quốc cũng đạt được những kết quả tích cực. Đặc biệt, năm 2017 đánh một dấu mốc quan trọng của ngành may mặc Việt Nam khi lần đầu tiên Việt Nam xuất khẩu sản phẩm may mặc sang thị trường Trung Quốc, dự kiến năm 2018 sẽ xuất khẩu được nhiều hơn⁴. Tuy nhiên, ngành may mặc nước ta chỉ chủ yếu thực hiện các công đoạn cắt may, gia công với giá trị gia tăng thấp. Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT nói riêng và các doanh nghiệp may mặc Việt Nam nói chung đang chịu sự cạnh tranh rất gay gắt từ các đối thủ cũng hoạt động trong lĩnh vực may xuất khẩu từ Ấn Độ, Indonesia, Bangladesh... có lợi thế về chi phí nhân công và khả năng đáp ứng nhu cầu cao. Không chỉ từ phía nước ngoài, ngay cả các doanh nghiệp xuất khẩu hàng may mặc trong nước với thương hiệu lâu năm cũng là những đối thủ gia công mạnh mà TDT cần phải đặc biệt lưu tâm. Áp lực cạnh tranh đòi hỏi Công ty phải đảm bảo chất lượng, giá thành và tiến độ thực hiện hợp đồng. Trong những năm qua, tuy chịu tác động từ suy giảm kinh tế toàn cầu, sự cạnh tranh khốc liệt về giá từ các quốc gia trong khu vực, nhưng công ty đã tận dụng các lợi thế về giá nhân công cũng như khả năng quản lý, mạnh dạn đầu tư cũng như kiểm soát chặt chi phí để giữ vững cam kết hoàn thiện các đơn hàng trong thời gian nhanh nhất cùng mức giá cạnh tranh nhất cho khách hàng. Nhờ bám sát chiến lược này, công ty đã có một lượng đơn hàng ổn định, trong đó có nhiều khách hàng lớn như GAP, Li&Fung, Cosco Wholesale...trong đó, riêng sản lượng xuất cho thương hiệu hàng đầu thế giới GAP đã chiếm tới 55% tổng khối lượng sản xuất của công ty.⁵

3.2. Rủi ro về thị trường

Là một doanh nghiệp chủ yếu xuất khẩu nên mọi biến động của thị trường thế giới có ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy Việt Nam chính thức gia nhập WTO năm 2007 song việc thực hiện lộ trình gia nhập còn cần có thời gian. Theo báo cáo của Hiệp hội May mặc Việt Nam, năm 2017, xuất khẩu sang Hoa Kỳ đạt 12,53 tỷ USD, tăng 9,4% so với năm 2016; thị trường EU ước đạt 3,7 tỷ USD, tăng 5,4%; thị trường Nhật Bản đạt 3,05 tỷ USD, tăng 5,2%. Đặc biệt, bước sang năm 2018 này, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam EU (EVFTA) sẽ chính thức có hiệu lực. Hiệp định EVFTA sẽ tác động tích cực cho cả Việt Nam và EU, trong đó nổi bật hơn cả là tác động về kinh tế mà cụ thể ở đây là lĩnh vực xuất khẩu. Bên cạnh những thuận lợi khi gia nhập vào thị trường Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản... thì doanh nghiệp xuất khẩu vẫn còn chịu một số rủi ro từ cơ chế giám sát, các rào cản kỹ thuật,... Đặc biệt, xu hướng bảo hộ nền kinh tế trong nước của Hoa Kỳ của tổng thống Trump sẽ tác động không nhỏ tới việc phát triển thị trường này của các doanh nghiệp may mặc Việt Nam.

⁴ Nguồn: <http://baocongthuong.com.vn/nam-2017-kim-ngach-xuat-khau-det-may-cua-viet-nam-dat-31-ty-usd.html>

⁵ Nguồn: CTCP Đầu tư và Phát triển TDT

3.3. Rủi ro về nguyên vật liệu

CTCP Đầu tư và Phát triển TDT là đơn vị xuất khẩu may mặc với đa phần nguyên liệu và thiết kế được cung cấp từ các đơn vị đặt hàng. Do đó, TDT không gặp phải nhiều vấn đề về nguyên vật liệu như một số đơn vị khác cùng ngành. Từ năm 2016, công ty bắt đầu thực hiện các đơn hàng (Doanh nghiệp thực hiện phương thức mua nguyên vật liệu đầu vào từ một nhóm nhà cung cấp do khách hàng chỉ định, phương thức xuất này đòi hỏi Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tài chính thu mua và vận chuyển vật liệu) tức là Công ty vẫn chưa phải chịu rủi ro về nguyên vật liệu. Tuy nhiên, với kế hoạch chuyển hướng hoạt động sang phương thức xuất khẩu mới bắt đầu từ năm 2018 cần tự chủ về nguồn nguyên liệu, TDT đã và đang tích cực tìm kiếm các nguồn nguyên vật liệu đảm bảo đáp ứng được nhu cầu sản xuất của công ty với giá thành hợp lý.

3.4. Rủi ro về nguồn nhân lực

Là một ngành thâm dụng lao động, yếu tố nhân lực đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của các công ty may mặc. Tuy nhiên, theo đánh giá của Hiệp hội may mặc Việt Nam, nhân lực ngành May mặc hiện đang thiếu chuyên gia trung và cao cấp, thiếu tạm thời nguồn lao động tại các thành phố lớn và khu công nghiệp⁶. Thêm vào đó, sự đầu tư mạnh mẽ của các doanh nghiệp may mặc có vốn đầu tư nước ngoài tạo nên sự cạnh tranh gay gắt về nhân công cùng với tình trạng chuyển dịch lao động phổ biến trong ngành cũng ảnh hưởng đến sự ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp may mặc.

Nhận thức được đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, có kỹ năng tay nghề cao là yếu tố quyết định mang lại thành công cho doanh nghiệp, TDT luôn chú trọng đào tạo đội ngũ nhân viên theo đúng mục tiêu đã đặt ra thông qua các chương trình hỗ trợ phát triển kỹ năng nghề nghiệp và trình độ quản lý. Đồng thời, Công ty cũng tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp, chế độ đãi ngộ thỏa đáng cũng như quan tâm chăm sóc đời sống tinh thần để tạo điều kiện cho người lao động phát huy tối đa năng lực cá nhân và có cơ hội phát triển nghề nghiệp. Với chiến lược đó, Công ty đã xây dựng được một đội ngũ nhân viên có trình độ tay nghề cao, đáng tin cậy và gắn bó lâu dài để thực hiện các mục tiêu phát triển.

3.5. Rủi ro về quản trị công ty

Rủi ro xuất phát từ quản trị yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông như rủi ro về quản trị tài sản và nguồn vốn, rủi ro về nguồn nhân lực, rủi ro về quy trình và hệ thống... Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT luôn chủ động giảm thiểu tối đa các rủi ro về quản trị thông qua việc tăng cường xây dựng tính hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro, thực hiện nghiêm túc các quy định quản trị, thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo về kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và kế toán,... Trên thực tế, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm qua của Công ty đã đạt được sự tăng trưởng ổn định, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đề ra và duy trì ổn định sản xuất kinh

⁶Nguồn: <http://enternews.vn/det-may-trong-con-bi-cuc-ky-vi-thieu-nhan-luc-chat-luong-102001.html>

doanh. Điều đó có được một phần không nhỏ là nhờ sự đồng lòng và thống nhất trong phương hướng chỉ đạo từ ban điều hành Công ty, vốn là các thành viên đã có nhiều năm làm việc cùng nhau và đều gắn bó với TDT từ những ngày đầu thành lập. Vì vậy, rủi ro về quản trị của Công ty là không lớn.

4. Rủi ro khác

Các rủi ro khác có thể kể đến như thiên tai, cháy nổ, bệnh dịch, chiến tranh... Các rủi ro này thường ít xảy ra và khó lường trước được. Nếu xảy ra, những rủi ro đó sẽ có thể gây thiệt hại về con người và tài sản của Công ty. Trong số các rủi ro được đề cập, rủi ro cháy nổ là loại hình rủi ro thường trực nhất đối với các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực may mặc do đặc thù có nhiều hàng hóa dễ bắt lửa. Vì vậy, công tác phòng chống cháy nổ trong nhà máy luôn được ban lãnh đạo của TDT đặt lên hàng đầu. Không chỉ trang bị đầy đủ các thiết bị chữa cháy, TDT còn quan tâm đến việc trang bị kiến thức, kỹ năng chữa cháy cũng như thoát nạn cho người lao động. Công ty đã thành lập đội chữa cháy cơ động riêng, và những thành viên trong đội PCCC đều được tập huấn về kiến thức PCCC, có nhiệm vụ kiểm tra, nhắc nhở người lao động về các biện pháp an toàn trong quá trình sản xuất và sau mỗi ngày làm việc. Bên cạnh đó, Công ty còn thường xuyên tổ chức diễn tập PCCC, góp phần nâng cao kiến thức cho người lao động khi tình huống xấu xảy ra. Về mặt trang bị PCCC, Công ty đã đầu tư, hoàn thiện các hệ thống, thiết bị PCCC như báo cháy, báo khói tự động, thoát hiểm, máy bơm, hồ chứa nước với dung tích lớn nằm ngay sát khu vực nhà máy; các trang thiết bị PCCC được Công ty thường xuyên bảo dưỡng và thay mới.

Đối với những rủi ro khác dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Để giảm tối đa nguy cơ từ những tác động này, Công ty xây dựng các kế hoạch giảm thiểu thiệt hại khi có sự cố xảy ra, trích lập các quỹ dự phòng khi có điều kiện, đồng thời tập huấn cho nhân viên kỹ năng phòng đảm bảo an ninh, an toàn khác.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**1. Tổ chức niêm yết**

Ông: Chu Thuyên Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ông: Phạm Thái Hòa Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Ông: Nguyễn Huy Hoàng Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện tổ chức tư vấn:

Bà: Vũ Nam Hương Chức vụ: Giám đốc tài chính

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT cung cấp tại thời điểm tham gia lập bản cáo bạch.

III. CÁC KHÁI NIỆM

TDT	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT
CTCP	Công ty cổ phần
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
MTV	Một thành viên
Điều lệ	Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT
ĐHĐCĐ	Đại hội Đồng cổ đông
BKS	Ban Kiểm soát
HĐQT	Hội đồng Quản trị
TGD	Tổng Giám đốc
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CNĐKDN	Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
GPHĐ	Giấy phép hoạt động
UBCKNN	Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
VSD	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
Thuế GTGT	Thuế giá trị gia tăng
Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
VSATTP	Vệ sinh an toàn thực phẩm
DTT	Doanh thu thuần
UBND	Ủy ban Nhân dân
KCN	Khu công nghiệp
CMT	Phương thức xuất khẩu mà bên đặt hàng/ người mua hàng sẽ cung cấp cho doanh nghiệp nguyên vật liệu, mẫu thiết kế và các yêu cầu cụ thể, doanh nghiệp sản xuất chỉ cắt, may và hoàn thiện sản phẩm. Sản phẩm sản xuất xong sẽ được người mua hàng đến thu gom và phân phối.
FOB	Phương thức mà bên đặt hàng/người mua hàng sẽ cung cấp mẫu thiết kế và các yêu cầu cụ thể, doanh nghiệp sẽ chủ động thêm nguyên liệu đầu vào để sản xuất sản phẩm. Sản phẩm sản xuất xong sẽ được người mua hàng đến thu gom và phân

phối

Theo đó, có 2 hình thức FOB là FOB chỉ định (mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp do bên đặt hàng chỉ định) và FOB tự search (doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm tìm nguồn nguyên liệu).

WRAP

Chúng tôi quốc tế về tuân thủ trách nhiệm với xã hội của các công ty may mặc. WRAP là một tổ chức phi lợi nhuận, độc lập của các chuyên gia tuân thủ trách nhiệm xã hội toàn cầu với mục đích hoạt động thúc đẩy sản xuất an toàn, hợp pháp, nhân đạo và đạo đức trên toàn thế giới thông qua hoạt động chứng nhận và giáo dục.


SA

Tiêu chuẩn quốc tế về trách nhiệm với xã hội của các công ty, được xây dựng để thúc đẩy doanh nghiệp có trách nhiệm xã hội trong tất cả các ngành nghề trên toàn cầu.

C-TPAT

Là viết tắt của Customs-Trade Partnership Against Terrorism - Chương trình an ninh phối hợp giữa hải quan Hoa Kỳ và bảo vệ biên giới để xây dựng an ninh chuỗi cung ứng và biên giới. C-TPAT là một sáng kiến của chính phủ và các nhà kinh doanh Hoa Kỳ để tự nguyện xây dựng mối quan hệ hợp tác nhằm tăng cường và cải thiện an ninh chuỗi cung ứng quốc tế nói chung và an ninh biên giới Hoa Kỳ nói riêng. Thông qua sáng kiến này, Cơ quan hợp tác phối hợp bảo vệ giữa hải quan và biên phòng quốc gia Hoa Kỳ (CBP – Custom Border Protection) yêu cầu các doanh nghiệp đảm bảo tính thực hiện toàn bộ các yêu cầu thực hành bảo mật trong hoạt động và giao tiếp đồng thời xác minh các nguyên tắc bảo mật của các đối tác kinh doanh của mình trong chuỗi cung ứng.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển****1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết**

Tên Công ty	:	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT
Tên giao dịch quốc tế	:	TDT INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	:	TDT
Trụ sở chính	:	Xã Diềm Thụy, Huyện Phú Bình, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Điện thoại	:	(84 - 28) 0656 7898
Fax	:	(84 - 28) 0356 9898
Website	:	http://tdtgroup.vn/
Logo	:	
Giấy CNĐKKD	:	Giấy chứng nhận ĐKKD số 4600941221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp đăng ký lần đầu ngày 22/03/2011, thay đổi lần thứ 08 ngày 01/12/2017
Đại diện theo pháp luật	:	Ông Chu Thuyên – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Vốn điều lệ	:	80.150.400.000 (Tám mươi tỷ một trăm năm mươi triệu bốn trăm ngàn) đồng
Vốn thực góp	:	80.150.400.000 (Tám mươi tỷ một trăm năm mươi triệu bốn trăm ngàn) đồng
Ngày trở thành công ty đại chúng	:	02/02/2018
Tài khoản ngân hàng	:	102010001391954
Nơi mở tài khoản	:	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thái Nguyên

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục), xuất khẩu hàng may mặc

1.2. Quá trình hình thành, phát triển

Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển TDT được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận ĐKKD số 4600941221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp đăng ký lần đầu ngày 22/03/2011 với vốn điều lệ ban đầu là 8 tỷ đồng, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 01/12/2017 với vốn điều lệ là 80.150.400.000 đồng

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của Công ty là chuyên sản xuất hàng may mặc xuất khẩu, sản phẩm chủ yếu được xuất sang thị trường Hoa Kỳ, Châu Âu, Hàn Quốc...

Ngày 02/04/2018, cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 18/2018/GCNCP-VSD với số lượng đăng ký lưu ký là 8.015.040 cổ phiếu.

Hình 3: Trụ sở Công ty TDT tại Thái Nguyên



Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển TDT được xây dựng trên diện tích quy hoạch 50.000 m² nằm trên quốc lộ 37 thuộc xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Với đội ngũ cán bộ quản lý giàu kinh nghiệm, công nhân lành nghề, hệ thống máy móc thiết bị hiện đại trong ngành may Việt Nam hiện nay, Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển TDT luôn đáp ứng được các các yêu cầu của khách hàng về chất lượng sản phẩm và tiến độ giao hàng.

Hình 4: Nhà xưởng của Công ty TDT

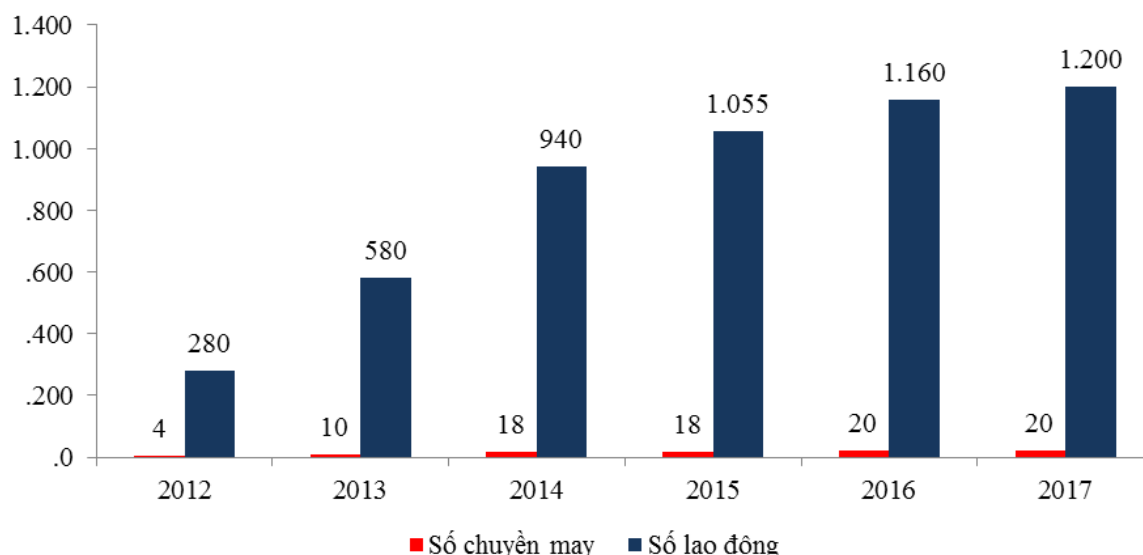


Tập thể cán bộ công nhân viên trong Công ty đã nỗ lực không ngừng trong việc xây dựng và thực hiện hệ thống quản lý chất lượng và đã được các khách hàng lớn trên thế

giới như GAP và LI&FUNG công nhận, cũng như cấp chứng chỉ đánh giá nhà máy đạt chuẩn.

Chiến lược phát triển của công ty là trở thành nhà sản xuất hàng may mặc có năng lực cạnh tranh tốt nhất thị trường Việt Nam dựa trên tiêu chí luôn đảm bảo chất lượng sản phẩm và tiến độ giao hàng.

Hình 5: Biểu đồ tăng trưởng chuyên may và lao động qua các năm



1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

Kể từ khi thành lập dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT đã trải qua 06 đợt tăng vốn điều lệ, cụ thể như sau:

STT	Thời gian hoàn thành tăng vốn	Vốn điều lệ tăng thêm (tỷ đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (tỷ đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
1	05/2012	04	12	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/11/2011 GCN ĐKKD số 4600941221 thay đổi lần 1, do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 22/12/2011
2	11/2013	04	16	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/05/2012. GCN ĐKKD số 4600941221 thay đổi lần 2 do Sở kế hoạch và

					đầu tư tỉnh Thái Nguyên ngày 20/08/2012
3	03/2015	10,4	26,4	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/03/2014. GCN ĐKKD số 4600941221 thay đổi lần 5 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 31/12/2014
4	03/2016	17,16	43,56	Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và Phát hành riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 02/2015/NQĐHĐCĐ ngày 20/12/2015. GCN ĐKKD số 4600941221 thay đổi lần 6 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 19/01/2016
5	8/2017	6,534	50,094	Chia cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thưởng	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/03/2017. GCN ĐKKD số 4600941221 thay đổi lần 7 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 29/08/2017
6	12/2017	30,0564	80,1504	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/10/2017. GCN ĐKKD số 4600941221 thay đổi lần 8 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 01/12/2017

- Tăng vốn điều lệ lần 1:**

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 8.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu phát hành thêm: 400.000 cổ phiếu
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tỷ lệ phát hành thành công: 100%
- Tổng số tiền thu được: 4.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông thực tế mua: 8 NĐT

- Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung nguồn vốn kinh doanh
- **Tăng vốn điều lệ lần 2:**
 - Vốn điều lệ trước khi phát hành: 12.000.000.000 đồng
 - Số lượng cổ phiếu phát hành thêm: 400.000 cổ phiếu
 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
 - Tỷ lệ phát hành thành công: 100%
 - Tổng số tiền thu được: 4.000.000.000 đồng
 - Số lượng cổ đông thực tế mua: 8 NĐT
 - Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn lưu động
- **Tăng vốn điều lệ lần 3:**
 - Vốn điều lệ trước khi phát hành: 16.000.000.000 đồng
 - Số lượng cổ phiếu phát hành thêm: 1.040.000 cổ phiếu
 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
 - Tỷ lệ phát hành thành công: 100%
 - Tổng số tiền thu được: 10.400.000.000 đồng
 - Số lượng cổ đông thực tế mua: 30 NĐT
 - Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn lưu động
- **Tăng vốn điều lệ lần 4:**
 - Tỷ lệ phát hành thành công: 100%
 - Vốn điều lệ trước khi phát hành: 26.400.000.000 đồng
 - Số lượng cổ phiếu phát hành thêm: 1.716.000 cổ phiếu

Trong đó:

 - Chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10%: 264.000 cổ phiếu
 - Phát hành riêng lẻ cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu : 1.452.000 cổ phiếu
 - + Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
 - + Tỷ lệ phát hành thành công: 100%
 - + Tổng số tiền thu được: 14.520.000.000 đồng
 - + Số lượng cổ đông thực tế mua: 55 NĐT
 - Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn đối ứng để tiến hành vay ngân hàng, bổ sung vốn lưu động
- **Tăng vốn điều lệ lần 5:**

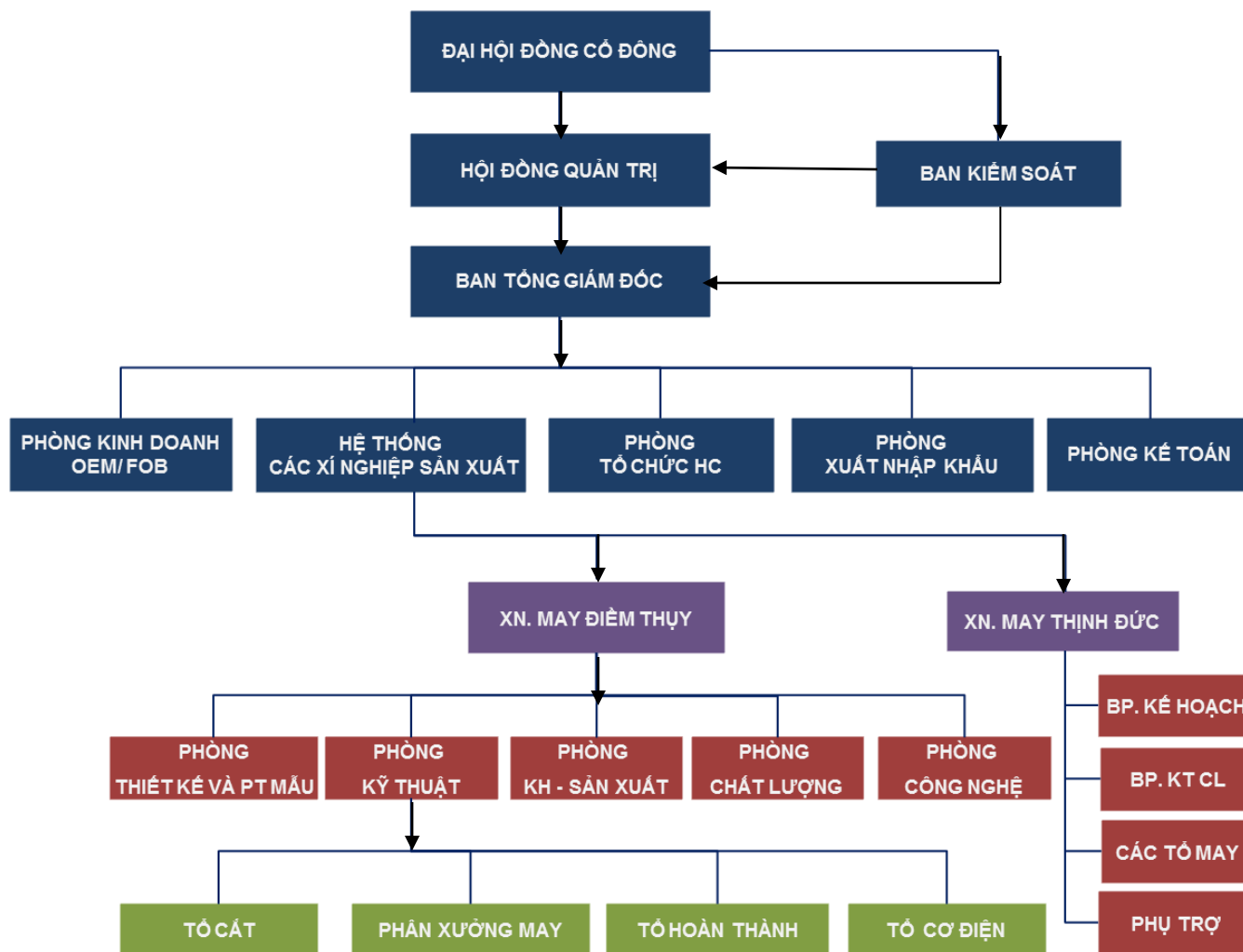
- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 43.560.000.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu phát hành thêm: 653.400 cổ phiếu

Trong đó:

- Chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 15%:653.400cổ phiếu
- **Tăng vốn điều lệ lần 6:**
 - Vốn điều lệ trước khi phát hành: 50.094.000.000 đồng
 - Số lượng cổ phiếu phát hành thêm: 3.005.640 cổ phiếu
 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
 - Tỷ lệ phát hành thành công: 100%
 - Tổng số tiền thu được: 30.056.400.000 đồng
 - Số lượng cổ đông thực tế mua: 84 NĐT
 - Mục đích sử dụng vốn: Đầu tư máy móc thiết bị, cải tạo nhà xưởng, trả nợ gốc tiền vay, bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

Hình 6: Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý



(Nguồn: CTCP Đầu tư và Phát triển TDT)

2.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần.

Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua: Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; Báo cáo tài chính hàng năm; Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình Công ty; Báo cáo của Hội đồng Quản trị; Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên.
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Và các nội dung khác.

2.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 05 thành viên với nhiệm kỳ không quá 05 năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty như sau:

Ông: Chu Thuyên

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông: Nguyễn Việt Thắng

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông: Đặng Đình Vụ

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông: Phạm Thái Hòa

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông: Dương Ngọc Hải

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

2.3. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và

điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên và có cơ cấu như sau:

Ông: Nguyễn Huy Hoàng	Trưởng Ban Kiểm Soát
Ông: Đỗ Ngọc Tuyền	Kiểm Soát Viên
Bà: Hà Thị Thu	Kiểm Soát Viên

2.4. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty bao gồm 03 thành viên, gồm 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc, thực hiện các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Phó Tổng Giám đốc là người giúp cho Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công và ủy quyền của Giám đốc, đồng thời, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công, ủy quyền.

Danh sách Ban Tổng Giám đốc của Công ty như sau:

Ông: Chu Thuyên**Tổng Giám đốc****Ông: Nguyễn Việt Thắng****Phó Tổng Giám đốc****Ông: Đặng Đình Vụ****Phó Tổng Giám đốc****2.5. Các bộ phận, phòng ban trực thuộc:****❖ Phòng Kinh doanh OEM/FOB**

- Tổ chức xây dựng các kế hoạch kinh doanh và tham mưu cho Hội đồng Quản trị cũng như Ban Tổng Giám đốc định hướng phát triển trong trung và dài hạn của Công ty; Trên cơ sở kế hoạch kinh doanh của từng phòng ban, từng đơn vị, phòng sẽ lập kế hoạch kinh doanh tổng thể trong từng quý, từng năm để trình Ban giám đốc xem xét phê duyệt;
- Lập phương án, soạn thảo quy chế, quy định việc tiêu thụ sản phẩm;
- Nghiên cứu, điều tra thị trường, xây dựng chính sách giá cả, tổ chức mạng lưới, thông tin quảng cáo tiếp thị và hỗ trợ xúc tiến phát triển sản phẩm;
- Tổ chức, quản lý mạng lưới các đơn vị, đại lý tiêu thụ sản phẩm, báo cáo tình hình tổ chức thông tin quảng cáo tiếp thị, xúc tiến sản phẩm, điều tra thị trường, xây dựng chính sách giá cả, báo cáo tình hình tiêu thụ;
- Quản lý mảng FOB và các dự án hợp tác.

❖ Phòng Xuất nhập khẩu

- Tham mưu giúp ban giám đốc Công ty thực hiện quản lý về công tác chuyên môn, nghiệp vụ xuất nhập khẩu;
- Thực hiện các dịch vụ kinh doanh xuất nhập khẩu theo ủy quyền của Tổng giám đốc Công ty và theo quy định của pháp luật;
- Định hướng chiến lược kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Nghiên cứu theo dõi các chủ trương chính sách xuất nhập khẩu, thuế của Nhà nước ban hành để tổ chức triển khai và thực hiện đúng quy định;
- Thực hiện chức năng quản lý thương hiệu của công ty, đăng ký nhãn hiệu hàng hóa trong nước và các nước, vùng lãnh thổ mà Công ty có khả năng xuất khẩu;
- Phối hợp với các phòng ban, đơn vị có liên quan để giới thiệu, chào bán sản phẩm, dịch vụ của Công ty tại các hội chợ triển lãm nước ngoài, khảo sát thị trường, trao đổi nghiệp vụ, thu thập thông tin nhằm mở rộng thị trường quốc tế;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

❖ Phòng Tổ chức hành chính

- Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty về cơ cấu tổ chức, bộ máy, sắp xếp và sử dụng nguồn nhân lực của Công ty;
- Tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng, đào tạo và nâng bậc lương, theo dõi công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật;
- Tổ chức quản lý, lưu trữ hồ sơ lý lịch, thẩm tra và bổ sung lý lịch hàng năm, thống kê số lượng và chất lượng lao động;

- Xây dựng quy trình đánh giá xếp loại người lao động; xây dựng các nội quy, quy chế, điều lệ công ty và các văn bản, tài liệu khác phục vụ công tác quản lý của Công ty;
- Quản lý trang thiết bị, tài sản, công cụ lao động, phương tiện làm việc tại khu vực trụ sở văn phòng Công ty;
- Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty về chính sách trả lương và đãi ngộ đối với người lao động; Tổ chức thực hiện các chế độ chính sách lao động cho người lao động;
- Quản lý công tác lễ tân, tiếp khách, văn thư, lưu trữ, con dấu;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

❖ *Phòng Kế toán*

- Quản lý và tổ chức thực hiện hệ thống tài chính, kế toán tại Công ty theo Luật kế toán và các chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước về lĩnh vực tài chính, kế toán;
- Phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của Công ty;
- Cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định của Pháp luật;
- Lập báo cáo hợp nhất từ các công ty con và tư vấn các chính sách về cơ cấu vốn, chính sách đầu tư, chính sách nguồn vốn cho Ban lãnh đạo Công ty;
- Xây dựng hệ thống lập ngân sách tài chính và dự báo tài chính cho Công ty trong từng giai đoạn phát triển;
- Tư vấn cho Hội đồng quản trị về chính sách cổ đông, cổ tức;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

❖ *Hệ thống các xí nghiệp sản xuất*

○ *Xí nghiệp May Diêm Thụy*

● *Phòng Kỹ thuật*

- Xây dựng và duy trì thực hiện từng quy trình cụ thể về công tác quản lý kỹ thuật cho từng bộ phận;
- Đảm bảo đồng bộ công tác kỹ thuật theo tiến độ sản xuất, hợp đồng đã ký và cam kết với khách hàng. Hướng dẫn và xử lý kịp thời các phát sinh về công tác kỹ thuật trong quá trình sản xuất;
- Tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và các quy chế, quy định, kế hoạch khác theo phân công;
- Tổ chức hợp với các bộ phận.
- Đảm bảo công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.
- Phụ trách hoạt động của các tổ đội sản xuất và hỗ trợ, bao gồm: Tổ cắt, các phân xưởng may, Tổ hoàn thành và Tổ cơ điện.
 - ✓ Tổ cắt: thực hiện các thao tác cắt vải theo mô hình đặt sẵn
 - ✓ Phân xưởng may: nhận vải đã cắt từ tổ cắt và may theo định dạng
 - ✓ Tổ hoàn thành: dựa trên sản phẩm đã được may, tổ sẽ chỉnh sửa và hoàn thiện để đạt được tiêu chuẩn như khách hàng yêu cầu

- ✓ Tổ cơ điện: phụ trách các hệ thống điện của nhà xưởng, đảm bảo điện được cung cấp liên tục.
- *Phòng Kế hoạch sản xuất*
 - Tiếp nhận thông tin về các đơn hàng; phối hợp với các phòng có liên quan lập/xem xét thiết kế, dự toán theo quy định; chủ trì hoạch định quá trình tạo sản phẩm (mục tiêu chất lượng và các yêu cầu đối với sản phẩm; kế hoạch tổ chức thi công, kế hoạch nguồn lực, kế hoạch kiểm soát tiến độ và chất lượng sản phẩm; kế hoạch giao việc cho các đơn vị may; hệ thống tài liệu, công cụ quản lý, hệ thống biểu mẫu phục vụ quá trình kiểm soát sản xuất) theo yêu cầu của từng đơn hàng và theo yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng;
 - Tổ chức phân công và điều phối nguồn lực tham gia sản xuất; hướng dẫn, chỉ đạo, điều hành, kiểm soát các quá trình sản xuất trên cơ sở tuân thủ, các quy trình, quy phạm, mục tiêu của dự án và hệ thống kế hoạch tổ chức thực hiện dự án đã được phê duyệt;
 - Thống kê các yêu cầu của khách hàng đối với sản phẩm. Chủ trì và phối hợp với các phòng chỉ đạo giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình sản xuất, xử lý các sản phẩm không phù hợp, giải quyết các khiếu nại của khách hàng liên quan đến tiến độ và chất lượng sản phẩm.
- *Phòng Thiết kế và Phát triển mẫu*
 - Tham mưu về thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật cho ban điều hành công ty;
 - Thiết kế mặt hàng theo yêu cầu của khách hàng, thiết kế mặt hàng mới, nắm vững đặc tính của chất liệu, nghiên cứu đề xuất chất liệu phù hợp, cung cấp thông số kỹ thuật, dữ liệu liên quan đến sản phẩm, tham gia xây dựng định mức nguyên vật liệu để kiểm soát quá trình sản xuất và cung cấp thông tin nghiên cứu đầu tư trang thiết bị mới;
 - Giải quyết yêu cầu, khiếu nại, vướng mắc của khách hàng liên quan đến thiết kế và định mức nguyên liệu sản phẩm.
- *Phòng Công nghệ*
 - Tham mưu cho ban điều hành Công ty các vấn đề liên quan đến công nghệ trong sản xuất;
 - Theo dõi, quản lý các vấn đề công nghệ liên quan đến may mặc trong công ty. Nghiên cứu, lên phương án cập nhật các công nghệ mới;
 - Quản lý các bộ phận trực thuộc: Kỹ thuật chuyên, Ke gá, Mẫu dấu.
- *Phòng Quản lý chất lượng*
 - Xây dựng và duy trì thực hiện có hiệu lực hệ thống quản lý chất lượng trong Công ty;

- Hướng dẫn và sử lý kịp thời các phát sinh không đảm bảo chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn kỹ thuật của khách hàng trong quá trình sản xuất. Tổ chức kiểm tra sản phẩm đạt tiêu chuẩn kỹ thuật đúng tiến độ sản xuất;
 - Có quyền dừng sản xuất khi phát hiện trong quá trình sản xuất không đúng với tiêu chuẩn tài liệu kỹ thuật, yêu cầu của khách hàng, gây tổn thất cho công ty và phối hợp với phòng kỹ thuật, phòng kế hoạch sản xuất để sử lý, khắc phục kịp thời;
 - Đảm bảo công tác đánh giá nhà máy về chất lượng hàng hóa;
 - Tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và các quy chế, quy định, kế hoạch khác theo phân công.
 - Đảm bảo công tác an toàn vệ sinh lao động, Phòng chống cháy nổ.
- *Xí nghiệp May Thịnh Đức*
- *Bộ phận Kế hoạch: xây dựng kế hoạch nhận đơn hàng để phân bổ đến từng bộ phận*
 - *Bộ phận Kiểm tra chất lượng: chịu trách nhiệm kiểm tra chất lượng sản phẩm của toàn bộ xí nghiệp*
 - *Các tổ máy: vận hành các khâu em may, hoàn thành sản phẩm*
 - *Phụ trợ: hỗ trợ các dây chuyền, tổ máy trong các giai đoạn của sản phẩm.*

2.6. Giới thiệu chi tiết về hệ thống xí nghiệp sản xuất:

❖ Xí nghiệp may Diễm Thụy

Là xí nghiệp sản xuất lớn nhất của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT, tiền thân là xí nghiệp may TDT 1 và TDT 2 hợp nhất thành. Xí nghiệp may Diễm Thụy là đơn vị sản xuất chủ lực với hệ thống nhân sự hoàn chỉnh đáp ứng từ khâu thiết kế (Phòng Thiết kế và Phát triển mẫu), sản xuất (Phòng Kế hoạch – Sản xuất) đến kiểm tra chất lượng sản phẩm (Phòng Chất lượng). Trong đó, Phòng Kế hoạch – Sản xuất là bộ phận quan trọng nhất trong xí nghiệp, chịu trách nhiệm đề ra kế hoạch sản xuất sau khi nhận chỉ tiêu từ ban điều hành Công ty, đồng thời quản lý các Tổ cắt, Phân xưởng may, Tổ hoàn thành và Cơ điện là các đơn vị trực tiếp tham gia sản xuất. Bên cạnh đó, xí nghiệp may Diễm Thụy cũng có các phòng ban hỗ trợ như Phòng Kỹ Thuật và Phòng Công nghệ nhằm xử lý các yếu tố liên quan phát sinh trong quá trình sản xuất và theo dõi tình hình phát triển các công nghệ mới trong ngành để lên kế hoạch tham mưu cập nhật cho ban điều hành Công ty. Xí nghiệp may Diễm Thụy cũng là đơn vị có nhiều nhân sự nhất Công ty TDT, với trung bình hơn 750 CBCNV làm việc trong cả năm 2017. Xí nghiệp có cơ chế hoạt động rất linh hoạt khi vừa nhận gia công theo các hợp đồng mà Công ty ký kết, vừa chủ động tìm kiếm các đơn hàng bên ngoài để có thể đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu mà ban điều hành Công ty giao. Trong năm 2017 vừa qua, xí nghiệp may Diễm Thụy có doanh số sản xuất hơn 3,6 triệu USD, chiếm 89,6% tổng doanh số sản xuất cả năm của Công ty TDT⁷. Với hệ thống máy móc trang thiết bị hiện đại cùng kinh nghiệm quản lý lâu năm và tiềm lực tài chính tốt từ TDT, hiện xí

⁷ Nguồn: CTCP Đầu tư và Phát triển TDT.

ngành may Diêm Thụy có thể đáp ứng tốt cho các đơn hàng FOB. Với kế hoạch phát triển trong vòng 05 năm tới của Công ty, xí nghiệp may Diêm Thụy dự kiến sẽ được đầu tư nâng cấp khả năng sản xuất nhằm đáp ứng được khối lượng đơn hàng lớn khi Công ty mở rộng.

❖ Xí nghiệp may Thịnh Đức

Xí nghiệp may Thịnh Đức được tái cấu trúc từ xí nghiệp may TDT 3 từ năm 2016 với nhiệm vụ chính là thực hiện các công đoạn may và hoàn thiện sản phẩm, còn công đoạn cắt vẫn do bên xí nghiệp may Diêm Thụy thực hiện và chuyển bán thành phẩm sang cho bên Thịnh Đức xử lý tiếp. Do đó, cơ cấu tổ chức của xí nghiệp may Thịnh Đức chỉ bao gồm Phòng kế hoạch, các Tổ may, Tổ phụ trợ và bộ phận Kỹ thuật – Chất lượng. Hiện tại xí nghiệp may Thịnh Đức có khoảng 200 nhân công, trong đó chủ yếu tập trung ở khối May. Trong năm 2017 vừa qua, xí nghiệp may Thịnh Đức có doanh số sản xuất hơn 400 ngàn USD, chiếm 10,4% tổng doanh số sản xuất cả năm của Công ty TDT. Với kế hoạch phát triển trong vòng 05 năm tới của Công ty, xí nghiệp may Thịnh Đức dự kiến cũng sẽ được đầu tư nâng cấp để có thể xử lý nhiều công đoạn hơn trong quá trình sản xuất, đem lại lợi nhuận lớn hơn và giúp tăng khả năng xử lý đơn hàng của TDT.

4. Danh sách cổ đông và cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 20/4/2018

STT	Tên cổ đông	Số CMTND, nơi cấp, ngày cấp	Địa chỉ	SLCP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Chu Thuýên	090717906, cấp ngày 25/10/2017 tại Thái Nguyên	Tổ 21- Phường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	1.265.000	15,78
2	Nguyễn Việt Thắng	090717849, cấp ngày 12/07/2014 tại Thái Nguyên	Tổ 11, Phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	820.000	10,23
Tổng cộng				2.085.000	26,01

(Nguồn: Danh sách cổ đông công ty chốt ngày 20/4/2018 do TTLKCKVN cấp)

4.2. Cổ đông sáng lập

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600941221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 22/3/2011. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện tại, cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

4.3. Cơ cấu cổ đông

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm 20/4/2018

STT	Nhóm cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	255	8.015.040	100,00
	Tổ chức	0	0	0
	Cá nhân	255	8.015.040	100,00
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
	Tổ chức	0	0	0
	Cá nhân	0	0	0
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
	Tổng cộng	255	8.015.040	100,00

(Nguồn: Danh sách cổ đông công ty chốt ngày 20/4/2018 do TTLKCKVN cấp)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết

- 5.1. Công ty mẹ: Không có
- 5.2. Các công ty con: Không có
- 5.3. Các công ty liên kết: Không có

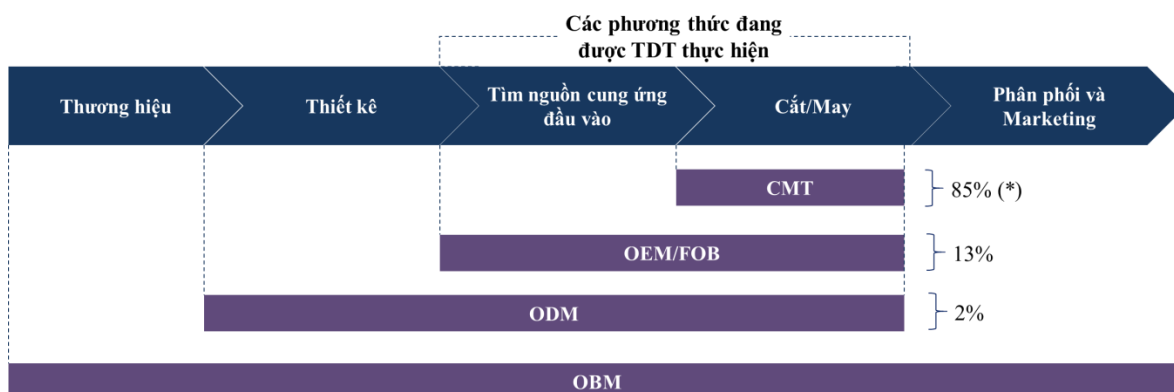
6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT là doanh nghiệp xuất khẩu hàng may mặc có hoạt động chính là may xuất khẩu, với phân khúc hàng gia công xuất khẩu chiếm hầu hết tỷ trọng.

- Các phương thức xuất khẩu hàng may mặc: Hiện nay, trong lĩnh vực xuất khẩu may mặc nói chung, các phương thức xuất khẩu gồm có:

Hình 7: Các phương thức xuất khẩu hàng may mặc



(*): Tỷ lệ giá trị xuất khẩu theo từng phương thức của ngành dệt và may mặc

(Nguồn: CTCP Đầu tư và Phát triển TDT và “Báo cáo EVFTA và ngành may mặc, giày dép Việt Nam” của VCCI phát hành năm 2017)

Các doanh nghiệp xuất khẩu hàng may mặc theo 4 phương thức chính: CMT, FOB, ODM và OBM. Cụ thể:

- CMT (Cut – Make – Trim): CMT (Cut - Make – Trim) là phương thức xuất khẩu mà các khách mua, các đại lý mua hàng và các tổ chức mua hàng cung cấp cho doanh nghiệp gia công toàn bộ đầu vào để sản xuất sản phẩm bao gồm mẫu thiết kế, nguyên liệu, vận chuyển, các nhà sản xuất chỉ thực hiện việc cắt, may và hoàn thiện sản phẩm. Doanh nghiệp thực hiện xuất khẩu theo CMT chỉ cần có khả năng sản xuất và một chút khả năng thiết kế để thực hiện mẫu sản phẩm.
- OEM/FOB (Original Equipment Manufacturing/ Free on Board): FOB là một phương thức xuất khẩu ở bậc cao hơn so với CMT. FOB trong ngành may mặc được hiểu là một hình thức sản xuất theo kiểu “mua đứt – bán đoạn”. Theo phương thức FOB, các doanh nghiệp thực hiện sẽ tham gia thêm vào cả khâu “Tìm nguồn cung ứng đầu vào” với việc tự đi tìm kiếm nhà cung cấp nguyên liệu (FOB tự search) hoặc nhập nguyên liệu từ một đơn vị được đối tác chỉ định (FOB chỉ định).
- ODM (Original Design Manufacturing): theo phương thức ODM, các doanh nghiệp sẽ tham gia không chỉ vào quá trình tìm nguồn cung ứng đầu vào và thực hiện cắt may, mà đồng thời sẽ kiêm luôn cả thiết kế. Các doanh nghiệp sẽ tạo ra những mẫu thiết kế và bán lại cho người mua, sau đó nhà sản xuất theo phương thức ODM sẽ không được phép tự sản xuất các bộ thiết kế tương tự nếu không được người mua ủy quyền.
- OBM (Original Brand Manufacturing): Đây là phương thức mà các doanh nghiệp chịu trách nhiệm tự thiết kế sản phẩm mang thương hiệu của chính mình, nhập khắp nguyên vật liệu, cắt may, và vận chuyển. Đối với đơn hàng OBM, các doanh nghiệp được hưởng tỷ suất lợi nhuận cao hơn so với tất cả các hình thức xuất khẩu khác.

Đối với phương thức xuất khẩu đang là ưu tiên hướng tới của các doanh nghiệp xuất khẩu may mặc tại Việt Nam hiện nay là OEM/FOB, giá sản phẩm sẽ bao gồm tất cả các chi phí

liên quan trong quá trình sản xuất từ khâu nhập và kiểm tra nguyên liệu, cắt vải, may thành phẩm, đóng gói cho đến vận chuyển tới cảng được chỉ định. Đơn vị sản xuất sẽ chịu trách nhiệm cho đến khi hàng hóa được chuyển qua boong tàu. Cụ thể, đơn vị sản xuất sẽ phải thực hiện các thủ tục sau:

- Lấy giấy phép xuất khẩu, nộp thuế và lệ phí xuất,
- Giao hàng lên tàu,
- Cung cấp chứng từ vận tải chứng minh hàng đã được bốc lên tàu,
- Chịu chi phí bốc hàng lên tàu theo cách tính phí của cảng nếu chi phí này chưa tính trong tiền cước.

Trong khi đó, bên mua hàng sẽ có trách nhiệm:

- Kí hợp đồng chuyên chở và trả cước,
- Lấy vận đơn,
- Trả tiền chi phí dỡ hàng,
- Chịu mọi rủi ro và tổn thất về hàng kể từ khi hàng đã qua hãn lan can tàu ở cảng bốc.

• Công ty Đầu tư và Phát triển TDT: Từ khi mới thành lập, doanh thu của TDT chủ yếu đến từ hoạt động gia công CMT (Pan Pacific Co, Ltd, Young Huyn Trading Co, Ltd, ST&P CO, Ltd). Tuy nhiên, từ năm 2016, Công ty đã mở rộng hoạt động sang mảng FOB, mà chủ yếu là theo phương thức FOB chỉ định (Asmara International Limited, Ever Star Manufacturer, Winner Creations Co, Ltd). Có thể thấy sự thay đổi rõ rệt tỷ lệ doanh thu đến từ phương thức FOB qua các năm trong cơ cấu doanh thu của TDT.

Ngoài ra, công ty còn nhận gia công trong nước cho một số đối tác như: Tổng Công ty May Đức Giang-CTCP, CTCP Đầu tư Mặt trời Việt, CTCP May Athena.

Bảng 3: Cơ cấu Doanh thu thuần của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2016		Năm 2017		Quý I năm 2018	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu xuất khẩu	138.644	94,62	200.595	92,62	30.597	81,71
Doanh thu hàng FOB	70.846	48,35	144.252	66,60	14.902	39,80
Doanh thu hàng gia công CMT	67.798	46,27	56.343	26,01	15.695	41,91
Doanh thu nội địa	7.883	5,38	15.987	7,38	6.848	18,29
Tổng cộng	146.527	100	216.582	100	37.445	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC Quý I năm 2018 của CTCP Đầu tư và Phát triển TDT)

Là một doanh nghiệp may mặc chủ yếu xuất khẩu nên Doanh thu từ xuất khẩu chiếm tỷ trọng rất lớn trong Doanh thu thuần của TDT, (giao động trong khoảng 82% - 94%). Trong năm 2016, doanh thu từ mảng FOB và CMT khá cân bằng. Tuy nhiên, cơ cấu Doanh thu thuần có sự dịch chuyển đáng kể sang mảng FOB trong năm 2017. Doanh thu nội địa (gia công cho các công ty may trong nước) chiếm tỷ trọng từ 6% đến 18% cho giai đoạn 2017-Quý 1/2018). Kết quả này phản ánh rất rõ nét chiến lược của Công ty trong việc gia tăng mảng sản xuất hàng FOB (hiện tại chủ yếu là FOB chỉ định với phần nhỏ FOB tự search và sẽ mở rộng sang FOB tự search trong thời gian tới).

Tốc độ tăng trưởng doanh thu của Công ty qua các năm rất ấn tượng. Năm 2017, doanh thu đã đạt hơn 216 tỷ, tương đương mức tăng 47,81% so với cả năm 2016. Đạt được kết quả trên là do nhiều biện pháp được thực hiện đồng thời như

- Công ty đã đẩy mạnh mảng FOB từ năm 2016 (Doanh nghiệp thực hiện phương thức mua nguyên vật liệu đầu vào từ một nhóm nhà cung cấp do khách hàng chỉ định, phương thức xuất này đòi hỏi Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tài chính thu mua và vận chuyển vật liệu). Doanh thu từ mảng này trong năm 2017 đột biến từ 70,8 tỷ lên 144,2 tỷ, các mảng khác vẫn duy trì như các năm khác.

- Đầu tư thêm máy móc thiết bị hiện đại như máy lập trình khổ lớn, máy nhồi bông điện tử, áp dụng triệt để công nghệ và cải tiến kỹ thuật làm tăng tốc độ sản xuất và làm được nhiều sản phẩm hơn dẫn đến tăng được năng lực sản xuất, nhận được nhiều đơn hàng hơn do đó dẫn đến doanh thu tăng, mặt khác còn nâng cao được năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Kết quả năng suất lao động năm 2017 đã tăng 26% so với năm 2016.

- Các xí nghiệp vệ tinh đạt năng suất cao cũng là yếu tố để Công ty mạnh dạn nhận thêm nhiều đơn hàng.

Đến hết quý I/2018, Doanh thu chỉ đạt 15% so với cả năm 2017. Kết quả này phản ánh đặc thù của công ty, đó là điểm rơi doanh thu là quý 3, 4 hằng năm. Quý I lại là thời điểm có dịp nghỉ lễ dài nên sản lượng sản xuất và xuất khẩu rất thấp.

Với một chiến lược kinh doanh hợp lý, tận dụng được tốt thị trường đang có nhiều yếu tố thuận lợi, kết quả kinh doanh trong những năm qua của TDT là rất khả quan.

Bảng 4: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2016		Năm 2017		Quý I năm 2018	
	Giá trị	LNG/DTT (%)	Giá trị	LNG/DTT (%)	Giá trị	LNG/DTT (%)
LNG từ xuất khẩu	32.974	22,50	45.381	20,95	7.492	20,01
LNG từ hàng FOB	15.075	10,29	29.464	13,60	6.110	16,32
LNG từ hàng gia công CMT	17.899	12,21	15.917	7,35	1.382	3,69

LNG từ hàng trong nước	2.665	1,82	332	0,15	1.495	3,99
Tổng cộng	35.639	24,32	45.713	21,1	8.987	24,00

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC Quý I năm 2018 của CTCP Đầu tư và Phát triển TDT)

Cùng với đà tăng trưởng của Doanh thu, Lợi nhuận gộp của Công ty cũng tăng trưởng mạnh trong giai đoạn năm 2016-2017 (tăng 95,45%). Tỷ suất lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần của hàng FOB năm 2017 là 13,6%, tăng mạnh so với 10,29% của năm 2016. Trong khi đó, mảng truyền thống là CMT lại đang thu hẹp cả về tốc độ tăng trưởng và tỉ trọng (về giá trị giảm 11,07% so với năm 2016 và tỉ trọng Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần giảm 4,86%). Tỷ lệ của các nhóm hàng trong Lợi nhuận gộp đã phản ánh rõ nét chiến lược tập trung cho mặt hàng FOB của TDT. Riêng trong Quý I/2018, do yếu tố mùa vụ (tập trung nhiều ngày nghỉ lễ) nên sản lượng sản xuất đạt thấp nhất so với các quý còn lại của năm. Doanh thu và Lợi nhuận gộp đều giảm. Tuy vậy, các chi phí sản xuất (lương, thưởng...) lại tăng nhiều hơn so với các thời điểm khác, mà phần chi phí này lại nằm ở mảng CMT rất nhiều. Điều đó dẫn đến tỉ suất Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần của hàng CMT trong Quý I/2018 sụt giảm mạnh.

6.2. Nguyên vật liệu

6.2.1. Nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu trong ngành may mặc là vải, bông và các phụ kiện. CTCP Đầu tư và Phát triển TDT là đơn vị may mặc hoạt động chủ yếu dưới hình thức may xuất khẩu với đa phần nguyên liệu và thiết kế được cung cấp từ các đơn vị đặt hàng. Khi chuyển sang làm hàng FOB chỉ định, tức là Công ty cũng không phải lo nguyên vật liệu đầu vào. Đặc thù của FOB chỉ định là khách hàng của TDT đã tìm kiếm nguồn nguyên vật liệu và thỏa thuận khối lượng, thời điểm giao nguyên vật liệu cho TDT.

6.2.2. Ảnh hưởng của giá nguyên vật liệu lên Doanh thu và Lợi nhuận của Công ty

Do doanh thu và lợi nhuận của TDT chủ yếu đến từ hoạt động gia công với phần nhiều nguyên liệu đầu vào được cung cấp bởi bên mua (gia công CMT và FOB chỉ định), nên việc tăng giá nguyên vật liệu không ảnh hưởng nhiều đến doanh thu và lợi nhuận.

6.3. Chi phí sản xuất

Bảng 5: Tỷ trọng các yếu tố chi phí trên doanh thu thuần

Công ty trong các năm từ 2016- 2018

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Năm 2016		Năm 2017		Quý I Năm 2018	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
1	Giá vốn hàng bán	110.887	75,68	170.869	78,89	28.458	76,00

2	Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.058	12,32	20.439	9,44	6.209	16,58
3	Chi phí bán hàng	3.442	2,35	5.397	2,49	1.254	3,35
4	Chi phí tài chính	8.027	5,48	7.542	3,48	1.108	2,96
	Tổng chi phí	140.414	95.83	204.247	94,31	37.029	98,89

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC Quý I năm 2018 của CTCP Đầu tư và Phát triển TDT)

Với đặc thù là doanh nghiệp may mặc xuất khẩu nên chi phí giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng cơ cấu chi phí của TDT. Chi phí giá vốn hàng bán từ năm 2016-2018 đều chiếm trên 75% trên doanh thu thuần của Công ty.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm chi phí xăng xe công tác, chi phí nhân công, chi phí khấu hao, và một số chi phí khác. Trong đó, chi phí nhân công chiếm phần lớn chi phí quản lý doanh nghiệp. Tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp trên DT năm 2017 lại giảm xuống mức 9,44%, do doanh thu năm 2017 của Công ty tăng đột biến tới hơn 48% so với năm 2016, từ sự tăng trưởng của mảng FOB mang lại.

Chi phí bán hàng của TDT chủ yếu là cước vận chuyển và một số chi phí khác. Chi phí bán hàng thường không quá lớn, chiếm tỷ trọng nhỏ so với doanh thu thuần.

Chi phí tài chính của công ty chủ yếu là chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá. Chi phí tài chính có xu hướng giảm do giảm lỗ chênh lệch tỷ giá và giảm khoản vay dài hạn.

6.4. Trình độ công nghệ

Trong thời gian qua, ban lãnh đạo Công ty đã luôn theo dõi sát sao tình hình phát triển công nghệ trong lĩnh vực may mặc để có thể cải tiến và áp dụng những thành tựu khoa học mới nhất vào trong dây chuyền sản xuất. Cụ thể:

- Trong năm 2017, TDT đã trang bị một loạt hệ thống máy tự động thuộc hàng tiên tiến nhất hiện nay của hãng Juki và CHNKI, bao gồm máy lập trình trần bông điện tử, máy nhồi lông vũ, máy đính bọ điện tử. Việc tự động hóa các công đoạn này sẽ giúp cho năng lực sản xuất của Công ty tăng lên đáng kể, giảm chi phí nhân công, chi phí điện năng tiêu thụ cũng như đảm bảo chất lượng sản phẩm.

Hình 8: Máy lập trình trần bông điện tử CHNKI



- Hệ thống máy lập trình khổ lớn tự động được lắp đặt tại Công ty là dòng máy may lập trình khổ lớn chuyên dùng để trần bông hoặc may những chi tiết lớn theo một trương trình đã lập sẵn trên máy tính, giúp nhà sản xuất có thể thiết kế chương trình may trực tiếp trên máy hoặc nạp thiết kế thông qua cổng máy tính, giúp thực hiện những công đoạn khó hoặc may kết hợp nhiều chi tiết một cách chính xác, hạn chế tối đa lỗi khi gia công sản phẩm.
- Cùng với hệ thống máy móc sản xuất hiện đại, Công ty cũng đã xây dựng một phòng thí nghiệm vải với đầy đủ máy móc trang thiết bị nhằm thử nghiệm các đặc tính của vải, tác động của hóa chất cũng như từ con người trong quá trình sử dụng quần áo; qua đó có thể kiểm tra chất lượng của nguyên liệu đầu vào, thành phẩm, nghiên cứu các nguyên liệu phù hợp với đơn hàng.

Hình 9: Phòng thí nghiệm vải của Công ty TDT



Có thể nói, với sự đầu tư máy móc đồng bộ và thường xuyên của ban điều hành Công ty, TDT hiện đang sở hữu một hệ thống máy móc hiện đại với những công nghệ mới nhất trong ngành, trong đó điển hình là công nghệ tự động hóa với loạt máy kiểm toán trình mới được trang bị trong năm vừa rồi. Với năng lực sản xuất hiện tại, TDT đã và sẽ có thể đáp ứng lâu dài tiêu chuẩn sản phẩm ngày một khắt khe của các hãng thời trang lớn trên thế giới như GAP, TARGET và ASMARA. Bên cạnh đó, với việc đạt tiêu chuẩn WRAP về trách nhiệm của doanh nghiệp với xã hội được công nhận toàn cầu, Công ty khẳng định

cam kết của mình về một môi trường làm việc không chỉ hiện đại mà còn an toàn, lành mạnh, bền vững cho công nhân cũng như thân thiện với môi trường.

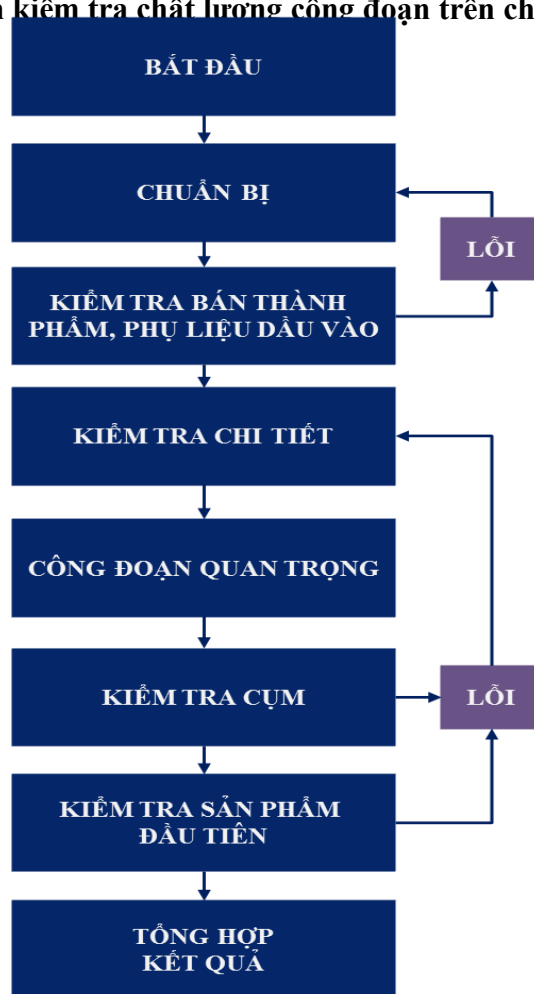
6.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ

Đối với TDT, chất lượng sản phẩm luôn là yếu tố được quan tâm hàng đầu. Công ty luôn đảm bảo chất lượng sản phẩm cho tất cả các công đoạn may trong quá trình sản xuất, từ kiểm tra chất lượng đầu vào, quá trình sản xuất cho tới kiểm soát đầu ra. Công ty có bộ phận giám sát, kiểm soát chất lượng trong quá trình với trang thiết bị tiên tiến để đảm bảo thông số, chất lượng sản phẩm tốt và đồng đều nhất. Để hỗ trợ cho công tác này, Công ty đã xây dựng một Sở tay kĩ thuật chất lượng với đầy đủ quy trình kiểm tra ở tất cả các công đoạn, bao gồm:

- Kiểm tra thông tin, tài liệu;
- Kiểm nguyên liệu;
- Kiểm phụ liệu;
- Kiểm cắt bán thành phẩm;
- Kiểm sản phẩm đầu chuyên;
- Kiểm trên chuyền (In-line);
- Kiểm cuối chuyền;
- Kiểm trước khi nhập kho;
- Kiểm tra đóng gói;
- Kiểm tra Pre-Final và Final (Trước và sau khi phúc tra hàng);
- Quy trình kiểm tra chất lượng trong giặt, mài công nghiệp.

Trong số các quy trình kiểm tra ở trên, từng quy trình kiểm tra đều được Công ty hệ thống hóa chi tiết và cụ thể đến từng công đoạn với thông tin mô tả chi tiết, yêu cầu kĩ thuật và người chịu trách nhiệm ở mỗi một bước, nhằm mục đích tất cả công nhân và quản lý đều nắm rõ được vai trò và trách nhiệm của mình trong quá trình kiểm soát chất lượng, cũng như dễ dàng truy xuất nguyên nhân khi phát hiện lỗi. Ví dụ như ở Quy trình Kiểm tra INLINE (kiểm tra chất lượng công đoạn trên chuyền may) là một trong những quy trình kiểm tra quan trọng nhất trong quá trình đảm bảo chất lượng sản phẩm. Mục đích của Quy trình Kiểm tra INLINE là nhằm hạn chế tối đa những lỗi trong các công đoạn may, phát hiện những điểm chưa hợp lý, không đạt chất lượng trong sản xuất, thông tin kịp thời tới các bộ phận liên quan để có phương án xử lý phát sinh nhanh nhất, tránh sai hỏng hàng loạt, ảnh hưởng đến chất lượng và năng suất trên chuyền may.

Hình 10: Quy trình kiểm tra chất lượng công đoạn trên chuyền may (INLINE)



(Nguồn: CTCP Đầu tư và Phát triển TDT)

Bảng 6: Quy trình kiểm tra chất lượng công đoạn trên chuyền may (INLINE)

Công đoạn kiểm tra	Người thực hiện	Mô tả chi tiết	Yêu cầu
Chuẩn bị	Phòng Kỹ thuật, Trưởng phòng Quản lý chất lượng	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận và nghiên cứu hồ sơ tài liệu , bảng màu do phòng Kỹ thuật cung cấp. - Nhận hướng dẫn kiểm tra chất lượng chi tiết công đoạn theo cụm được giao. 	Các bộ phận cung cấp đầy đủ kịp thời trước khi vào chuyền ít nhất 1 ngày.
Kiểm tra bán thành phẩm, phụ liệu đầu vào	Kỹ thuật chuyên, Người kiểm tra trên chuyền	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra bán thành phẩm: vải chính, vải lót, bông, in, thêu, từng chi tiết với mẫu sơ đồ, mẫu dấu trước khi sản xuất. - Kiểm tra phụ liệu: chỉ, khoá, cúc, móc cỡ, móc chính, móc sử dụng, tất cả phụ liệu - Kiểm tra kim máy. - Kiểm tra chủng loại chỉ cho từng công đoạn. - Kiểm tra sang dấu chi tiết. 	Kiểm tra dựa theo tiêu chuẩn kỹ thuật, đúng chủng loại, đủ thông số, đúng màu, mã hàng, chất lượng cho nguyên phụ liệu trước khi may.
Kiểm tra chi tiết	Người kiểm tra trên chuyền	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra chất lượng đường may chắp, mí điều chi tiết. - Kiểm tra mật độ mũi chỉ. - Kiểm tra thông số chi tiết sau máy. - Kiểm tra sau khi lắp ráp thành cụm. 	Đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, áo mẫu, đạt chất lượng chi tiết, kiểm tra 6-10 chi tiết / công đoạn may.
Công đoạn quan trọng	Người kiểm tra trên chuyền, Kỹ thuật chuyên	<ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên kiểm tra chất lượng công đoạn quan trọng đã được nhắc nhở, cấm cờ vàng cho công đoạn quan trọng. - Kiểm tra 100% các công đoạn trong cụm phụ trách. - Đo thông số 20 sản phẩm/4 mốc giờ. - Tiếp nhận chất lượng công đoạn do kỹ thuật chuyên bàn giao. 	Phát hiện lỗi nhanh, chính xác, thông báo kịp cho các bộ phận liên quan xử lý lỗi phát sinh. Kiểm tra 10 Chi tiết/Công đoạn /Mốc giờ.
Kiểm tra cụm	Người kiểm tra trên chuyền	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra hoàn chỉnh cụm phụ trách đạt chất lượng và VSCN. - Không đạt chất lượng, không chuyển công đoạn sau. 	Đạt chất lượng theo hướng dẫn kiểm tra chất lượng.
Kiểm tra sản phẩm đầu tiên	Người kiểm tra trên chuyền	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tổng thể sản phẩm. - Tiêu chuẩn đường may. - Kích thước, thông số. - Ngoại quan sản phẩm. 	Đúng, chính xác, đủ thông số.
Tổng hợp kết quả	Kỹ thuật chuyên, Người kiểm tra trên chuyền	<ul style="list-style-type: none"> - Ghi chép báo cáo kiểm tra chất lượng công đoạn theo mốc giờ. - Thông báo kết quả hoặc phát sinh lỗi và sau khi đã khắc phục. 	Đúng theo hệ thống chất lượng.

(Nguồn: CTCP Đầu tư và Phát triển TDT)

Bên cạnh việc xây dựng một quy trình kiểm soát chất lượng hoàn chỉnh và toàn diện, TDT rất chú trọng trong việc đào tạo để người lao động nắm rõ và chủ động kiểm soát chất lượng ở các công đoạn mình phụ trách. Chính vì vậy, các sản phẩm của Công ty luôn được đánh giá cao ở chất lượng và là nhân tố chính giúp giữ chân các khách hàng lớn trong suốt nhiều năm hoạt động.

6.6. Hoạt động Marketing và bán hàng

❖ Hoạt động Marketing và bán hàng

Tại Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT, hoạt động Marketing và tìm kiếm khách hàng mới do các phòng ban Xuất nhập khẩu và Kinh doanh FOB/OEM phụ trách. Công việc của các bộ phận này là tham gia các chương trình xúc tiến thương mại hoặc chủ động tiếp cận những khách hàng tiềm năng để thực hiện công tác quảng bá sản phẩm. Bên cạnh đó, hoạt động Marketing và bán hàng của Công ty còn bao gồm nghiên cứu và phát triển thị trường, lên danh sách khách hàng tiềm năng, nghiên cứu các quy định liên quan đến xuất nhập khẩu như thủ tục pháp lý và các quy định tại nước sở tại.

Song song với việc quảng bá hình ảnh đến các khách hàng tiềm năng, Công ty cũng rất chú trọng đầu tư cho các nội dung, bài viết, hình ảnh liên quan đến hoạt động nội bộ. Trên trang chủ của Công ty tại địa chỉ chitdtgroup.vn, các bài viết về hoạt động tập thể và các sự kiện trong ngày kỷ niệm, ngày lễ của Công ty cũng như cả quốc gia, các sản phẩm của Công ty và thông tin về hoạt động sản xuất được cập nhật rất thường xuyên với nội dung phong phú. Điều đó đã góp phần quan trọng trong việc xây dựng hình ảnh về một TDT năng động, phát triển và hiện đại trong mắt các khách hàng và đối tác của Công ty.

❖ Hoạt động cộng đồng

Trong suốt chặng đường hình thành và phát triển, TDT luôn đề cao tinh thần cùng chung tay vì sự phát triển cộng đồng, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với Nhà nước thông qua các hoạt động thiết thực có ích cho xã hội như: Trao học bổng cho trẻ em nghèo, tri ân cán bộ là bộ đội phục viên, hỗ trợ hộ nghèo trên địa bàn và nhiều tài trợ ý nghĩa khác.

Với những thành tích nổi bật đã đạt được trong hoạt động kinh doanh và hoạt động xã hội trên địa bàn, ngày 12/02/2018, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT đã vinh dự được Đồng chí Phạm Bình Minh - Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm Bộ trưởng Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến thăm và tặng quà Tết công nhân lao động. Cùng đi với Đoàn công tác của Phó Thủ tướng còn có Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam Trần Văn Thuật, Phó Chủ tịch Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam Trần Quốc Hùng. Phó Thủ tướng đã trao 50 suất quà cho các công nhân, người lao động có hoàn cảnh khó khăn đang làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn huyện Phú Bình. Phó Thủ tướng khẳng định những thành tựu chung của đất nước trong năm 2017, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế, có sự đóng góp công sức chung của toàn thể công nhân, người lao động trên cả nước, trong đó có công nhân, người lao động tại TDT. Phó Thủ tướng chúc mừng và hy vọng trong thời gian tới, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển

TDT sẽ tiếp tục phát triển để tạo nhiều công ăn việc làm cho người dân trên địa bàn, cũng như đóng góp vào sự phát triển chung của tỉnh Thái Nguyên và nền kinh tế Việt Nam.

Hình 11: Phó Thủ tướng Phạm Bình Minh phát biểu trong chuyến thăm Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT năm 2018



Bên cạnh đó, TDT luôn xem những hoạt động chăm lo cho đời sống vật chất, tinh thần của CBCNV là một phần quan trọng trong kế hoạch phát triển bền vững của công ty. Điều đó khẳng định rõ nét thông qua nhiều chương trình thể thao văn hóa mà công ty tổ chức hàng năm cho nhân viên.

Hình 12: Giải bóng đá CBCNV TDT năm 2017



6.7. Nhận hiệu thương mại, sứ mệnh, tầm nhìn và chiến lược kinh doanh của Công ty

Logo (*)



Hiện nay, Công ty đã nộp hồ sơ đăng ký bản quyền logo và thương hiệu TDT lên Cục sở hữu trí tuệ và gấp rút hoàn thiện hồ sơ để được bảo hộ logo và thương hiệu TDT.

❖ **Tầm nhìn:**

TDT không ngừng nỗ lực phấn đấu trở thành một trong những công ty hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực cung ứng các sản phẩm may mặc thời trang xuất khẩu. Khẳng định thương hiệu và đăng cấp quốc tế để trở thành đối tác trực tiếp của các thương hiệu thời trang uy tín của thế giới.

❖ **Sứ mệnh:**

Cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tốt nhất mang lại sự hài lòng cho các đối tác, khách hàng. Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo và nhân văn; tạo điều kiện thu nhập cao và cơ hội phát triển công bằng cho tất cả nhân viên cho mọi thành viên của TDT. Hải hòa lợi ích doanh nghiệp với lợi ích xã hội; đóng góp tích cực vào các hoạt động hướng về cộng đồng; minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh và luôn thượng tôn pháp luật.

❖ **Giá trị cốt lõi: “Uy tín – Đoàn kết – Chia sẻ”**

- Uy tín: Luôn chuẩn bị đầy đủ năng lực thực thi và nỗ lực hết mình để đảm bảo đúng cam kết.
- Đoàn kết: Luôn đề cao tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên của TDT.
- Chia sẻ: Chia sẻ lợi ích hài hòa với các đối tác, cổ đông và người lao động.

6.8. Các Hợp đồng lớn đã thực hiện hoặc đã ký kết

Bảng 7: Một số các hợp đồng lớn đã thực hiện hoặc đã ký kết năm 2017

Hàng năm, Công ty ký các Hợp đồng khung với khách hàng. Tại từng thời điểm, 02 bên sẽ tiếp tục ký các phụ lục chi tiết hơn.

STT	Tên Khách hàng	Ngày ký HĐ	Ngày hết hạn HĐ	Giá trị HĐ (triệu usd)	Nội dung	Thị trường xuất khẩu
1	Young Huyn Co., Ltd	11/2016	1 năm	1,5 triệu usd	Xuất khẩu hàng may mặc	Hàn Quốc
2	Pan Pacific Co., Ltd	12/2016	1 năm	2,5 triệu usd	Xuất khẩu hàng may mặc	Hoa Kỳ
3	ASMARA International Limited	01/2017	1 năm	6 triệu usd	Xuất khẩu hàng may mặc	EU
4	Capital World Trading Ltd.,	07/2017	1 năm	2 triệu usd	Xuất khẩu hàng may mặc	EU

5	Centrale D'Achats Kidiliz	08/2017	1 năm	4,2 triệu usd	Xuất khẩu hàng may mặc	EU
6	Winners Creations Ltd.,	11/2017	1 năm	4,5 triệu usd	Xuất khẩu hàng may mặc	Hoa Kỳ
7	Ever Star Manufacturer Ltd	10/2017	8 tháng	0,07 triệu usd	Hàng gia công trong nước	Việt Nam
8	TCT May Đức Giang-CTCP	03/2017	1 năm	0,5 triệu usd	Hàng gia công trong nước	Việt Nam

(Nguồn: CTCP Đầu tư và Phát triển TDT)

Bảng 9: Một số các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết năm 2018

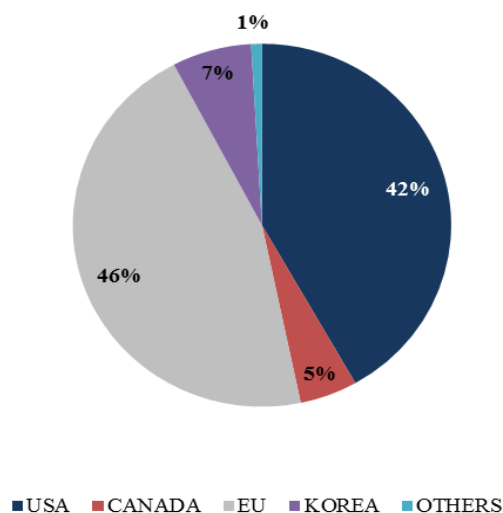
Đến nay, Công ty đã ký và đang thực hiện một số hợp đồng sau:

STT	Tên Khách hàng	Ngày ký HĐ	Ngày hết hạn HĐ	Số lượng sản phẩm trong HĐ khung	Giá trị HĐ (triệu usd)	Nội dung	Thị trường xuất khẩu
1	Pan Pacific Co., Ltd	12/2017	1 năm	0,6 triệu	1,8 triệu usd	Xuất khẩu hàng may mặc	Hoa Kỳ
2	ASMARA International Limited	01/2018	1 năm	0,5 triệu	4 triệu usd	Xuất khẩu hàng may mặc	EU
3	SUNYOUN F.N.C CO.,LTD	12/2017	1 năm	0,01 triệu	0,04 triệu usd	Xuất khẩu hàng may mặc	Hàn Quốc
4	EVOLUTION 3 LIMITED	03/2018	1 năm	0,05 triệu	0,1 triệu usd	Xuất khẩu hàng may mặc	Hongkong
5	Ever Star Manufacturer Ltd	12/2017	1 năm	0,04 triệu	0,07 triệu usd	Hàng gia công trong nước	Việt Nam
6	TCT May Đức Giang-CTCP	12/2017	1 năm	0,1 triệu	0,5 triệu usd	Hàng gia công trong nước	Việt Nam
Cộng:				1,3 triệu	6,51 triệu usd		

Hiện tại hai thị trường xuất khẩu lớn nhất của TDT là Hoa Kỳ và EU. Khách hàng của TDT ở châu Á bao gồm nhiều thương hiệu may mặc lớn ở Hàn Quốc và Đài Loan. Đơn hàng của

các khách hàng của TDT phần lớn là các đơn hàng có số lượng lớn, thời gian sản xuất dài, hiệu quả cao. Mục tiêu trong những năm tới của TDT sẽ là tìm hiểu và phát triển thị trường Nhật, vốn là thị trường xuất khẩu lớn thứ 3 của ngành may mặc Việt Nam.⁸

Hình 13: Tỷ lệ giá trị xuất khẩu sang các thị trường của TDT năm 2017



7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

**Bảng 8: Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty
trong các năm từ 2016 - 2018**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Tăng (giảm) năm 2017 so với năm 2016 (%)	Quý I năm 2018
1	Tổng giá trị tài sản	173.476	209.183	20,58	206.933
2	Vốn chủ sở hữu	54.015	94.315	74,61	95.104
3	Doanh thu thuần	146.526	216.582	47,81	37.445
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7.072	13.367	89,01	678
5	Lợi nhuận khác	427	217	(49,18)	184
6	Lợi nhuận trước thuế	7.500	13.583	81,11	862

⁸ Nguồn: Theo số liệu xuất khẩu của Ngành may mặc của Tổng cục thống kê.

7	Lợi nhuận sau thuế	6.328	12.422	96,30	789
8	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (%)	14,52%	16,75%	-	-
9	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức LNST	137,67%	77,43%	-	-

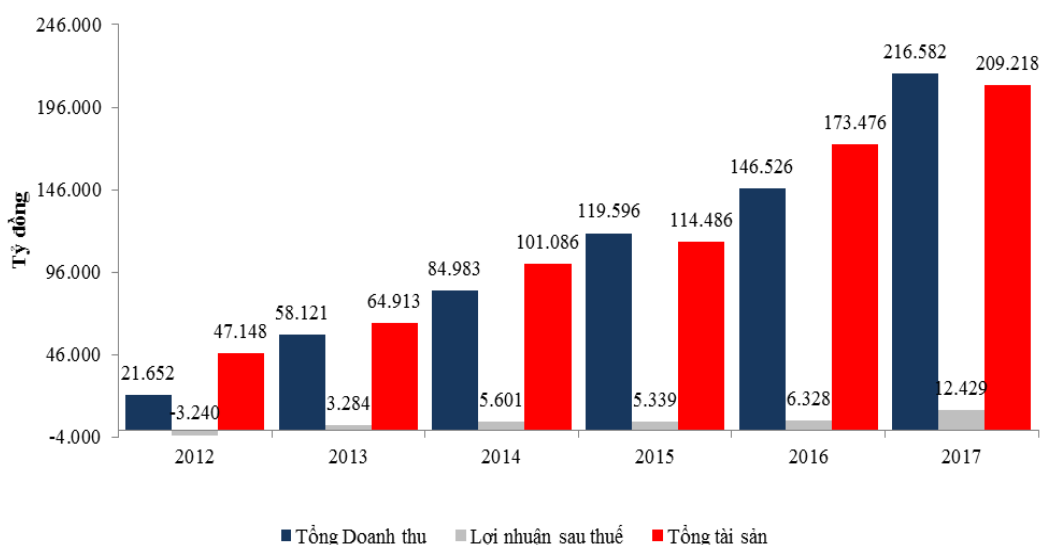
(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC Quý I năm 2018 của CTCP Đầu tư và Phát triển TDT)

Vốn chủ sở hữu, tổng tài sản công ty tăng mạnh do năm 2017 Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ để bổ sung năng lực sản xuất. Công ty đã sử dụng nguồn vốn tăng thêm để bổ sung vốn lưu động nhằm gia tăng các đơn hàng, nâng cao năng lực sản xuất.

Kết quả kinh doanh năm 2017 của TDT có sự tăng trưởng tốt so với năm 2016. Với việc nhận thêm các đơn hàng gia công và các đơn hàng FOB, Doanh thu của công ty tăng mạnh trong năm 2017. Đồng thời với biện pháp quản lý nội bộ hiệu quả như thi đua tăng năng suất lao động (tăng 26%), giảm chi phí gián tiếp, áp dụng công nghệ vào sản xuất... Dẫn đến kết quả kinh doanh năm 2017 tăng mạnh so với năm 2016.

Ba tháng đầu năm 2018, kết quả kinh doanh của công ty không có nhiều khởi sắc do yếu tố mùa vụ (do các sản phẩm là quần áo mùa đông có giá trị lớn thường được đẩy mạnh xuất khẩu từ quý 2 hàng năm và Doanh thu sẽ tăng mạnh từ Quý 3), thời gian sản xuất ít hơn so với các quý khác trong năm do rơi vào thời điểm tháng tết nguyên đán. Đây cũng là đặc điểm chung, dễ nhận thấy ở các đơn vị may khác trong ngành.

Hình 14: Biểu đồ tăng trưởng Tổng doanh thu, Lợi nhuận sau thuế và Tổng tài sản của TDT qua các năm



7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

❖ Thuận lợi

- Bộ máy quản lý của công ty ổn định, phát huy được hiệu quả cao. Đội ngũ CBCNV năng động, có trình độ chuyên môn, giàu kinh nghiệm và gắn bó lâu năm.
- TDT là một thương hiệu tốt, được tin cậy bởi khách hàng. Công ty vẫn luôn chú trọng trong việc cải thiện chất lượng sản phẩm, dịch vụ, từng bước khẳng định vị thế và khát vọng trở thành một doanh nghiệp dẫn đầu cả nước trong lĩnh vực gia công nói riêng và may mặc nói chung.
- Hiện nay, trong khi 85%⁹ doanh nghiệp hoạt động trong ngành may mặc xuất khẩu ở nước ta xuất khẩu theo phương thức CMT, thì TDT là một trong số ít các doanh nghiệp hội tụ đầy đủ các yếu tố để có thể sản xuất theo phương thức FOB do quy mô nhân công lớn, tiềm lực tài chính đảm bảo và ban điều hành có đủ khả năng quản lý, điều phối dây chuyền hoạt động theo phương thức xuất khẩu tiên tiến này.
- NHNN vào ngày 7/7/2017 đã ban hành quyết định 1425/QĐ-NHNN về điều chỉnh giảm lãi suất điều hành và trần lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên, trong đó có các doanh nghiệp xuất khẩu may mặc như TDT, giúp giảm chi phí lãi vay cho doanh nghiệp may mặc nói chung và TDT nói riêng.

❖ Khó khăn

Bên cạnh thuận lợi, TDT cũng phải đối mặt với những khó khăn trong quá trình sản xuất kinh doanh như:

- Sự cạnh tranh gay gắt từ các nước có ngành may mặc xuất khẩu phát triển khác như Trung Quốc, Ấn Độ,... là những nước có nhiều lợi thế hơn về thị trường, nguyên phụ liệu,... đe dọa thị trường xuất khẩu của công ty.
- Xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam thời gian tới sang Hoa Kỳ sẽ gặp một số khó khăn do Hoa Kỳ đang thắt chặt hơn các quy định, quy chuẩn về an toàn các sản phẩm nhập khẩu nhằm giảm thâm hụt thương mại. Cùng với đó, mức độ cạnh tranh giữa các nhà cung cấp hàng may mặc vào thị trường Hoa Kỳ cũng sẽ gay gắt hơn, không chỉ về chất lượng mà còn về khả năng giao hàng, đáp ứng đơn hàng cũng như việc triển khai các hoạt động sản xuất mang tính bền vững.
- Rào cản thương mại tại các thị trường lớn đang được áp dụng ngày càng tinh vi với tần suất và mức độ ngày một lớn, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất và lợi nhuận của công ty.
- Ở trong nước, một số quy định liên quan đến việc nộp thuế và tăng lương cho công nhân cũng đang gây khó khăn cho các doanh nghiệp may và đã được các doanh nghiệp kiến nghị lên chính phủ. Cụ thể, tháng 9/2017, Hiệp hội may mặc Việt Nam (VITAS) đã gửi văn bản lên Thủ tướng Chính phủ đưa ra hàng loạt kiến nghị như đề nghị Bộ Công Thương nghiên cứu sửa đổi Thông tư 49/2015/TT-BCT theo hướng bỏ quy định khi sản xuất hoặc gia công xuất khẩu quân trang, quân phục cho nước ngoài phải “xác định về đơn vị/cơ quan/tổ chức sử dụng cuối cùng sản phẩm quân phục đặt sản xuất, gia công tại Việt Nam”. Đây là quy định mà khách hàng nước ngoài đặt gia công quân trang, quân

⁹Báo cáo EVFTA và ngành dệt may, giày dép Việt Nam do VCCI và Dự án MUTRAP thực hiện năm 2017

phục rất khó để đáp ứng trên thực tế. Bên cạnh đó, VITAS cũng kiến nghị Bộ Tài chính nghiên cứu để các doanh nghiệp sử dụng vải trong nước gia công xuất khẩu không phải nộp thuế GTGT vì theo luật thuế nhập khẩu có hiệu lực từ 01/09/2016 thì nguyên phụ liệu nhập khẩu để gia công xuất khẩu sẽ được miễn thuế thay vì hoàn thuế như trước đây. Ngoài ra, Hiệp hội này còn đề nghị Bộ Thông tin và truyền thông sớm tham mưu cho Chính phủ sửa đổi nghị định 60/2014/NĐ-CP quy định điều kiện cấp phép nhập khẩu máy in trên sản phẩm may mặc xuất khẩu là “chủ doanh nghiệp phải có bằng cấp từ cao đẳng trở lên về ngành in hoặc được Bộ Thông tin truyền thông cấp giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hoạt động in”. Đến nay Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổ chức họp lấy ý kiến về dự thảo sửa đổi, đề nghị đẩy nhanh quá trình ra văn bản sửa đổi.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của công ty trong ngành

Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển TDT có đội ngũ cán bộ quản lý giàu kinh nghiệm, công nhân lành nghề, cùng hệ thống máy móc thiết bị hiện đại luôn đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng về Chất lượng sản phẩm và Tiến độ giao hàng.

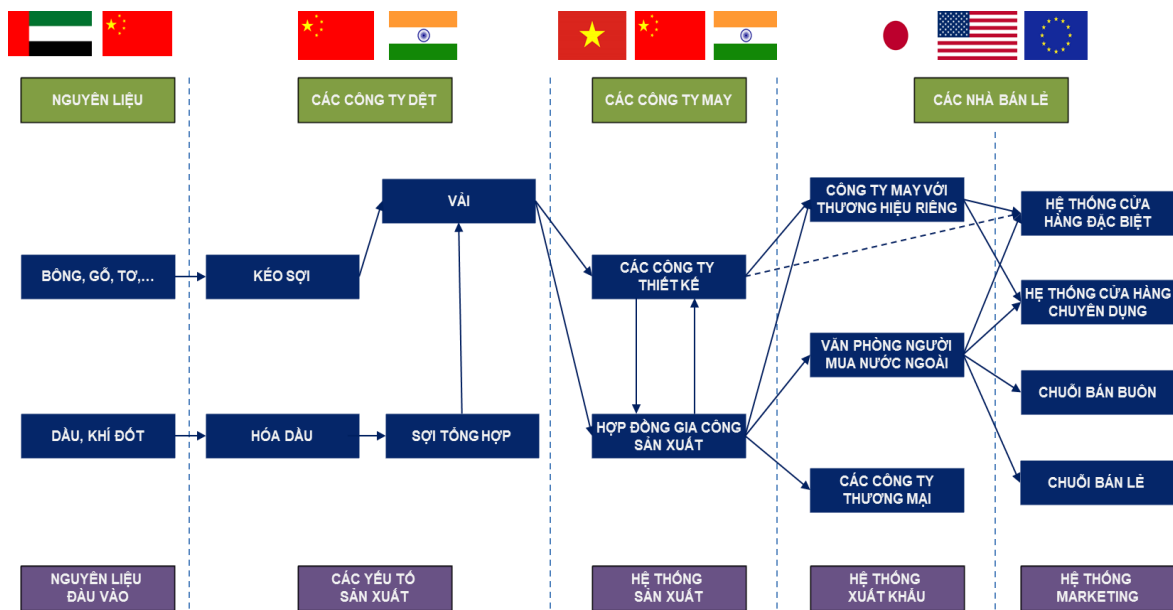
Tập thể cán bộ công nhân viên trong Công ty đã nỗ lực không ngừng trong việc xây dựng và thực hiện hệ thống quản lý chất lượng và được các khách hàng lớn trên thế giới như: GAP, COSTCO Wholesale... công nhận và cấp chứng chỉ đánh giá nhà máy đạt chuẩn. Chiến lược phát triển của công ty là trở thành nhà sản xuất hàng may mặc có năng lực cạnh tranh tốt nhất dựa trên tiêu chí luôn đảm bảo chất lượng sản phẩm và tiến độ giao hàng.

Với sự đoàn kết, đóng góp, cống hiến không mệt mỏi vượt qua khó khăn thử thách của các thế hệ CBCNV trong suốt hành trình xây dựng và phát triển công ty cổ phần đầu tư và phát triển TDT. Năm năm qua công ty đã vinh dự được Đảng, nhà nước, các tổ chức kinh tế xã hội tặng thưởng nhiều chứng nhận, giải thưởng, danh hiệu cao quý, trong đó tiêu biểu là:

- Bằng khen của Bộ Công thương về thành tích xuất sắc trong đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển của ngành Công thương.
- Bằng khen của Sở Công thương tỉnh Thái Nguyên về thành tích xuất sắc trong đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển của Sở Công thương tỉnh Thái Nguyên.
- Giấy khen của Đảng bộ khối Doanh nghiệp tỉnh Thái Nguyên về công tác xây dựng tổ chức cơ sở Đảng tại công ty.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty, ông Chu Thuyên, đã vinh dự nhận được danh hiệu “Nhà quản lý tiêu biểu thời đại Hồ Chí Minh” và được diện kiến Chủ tịch nước.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

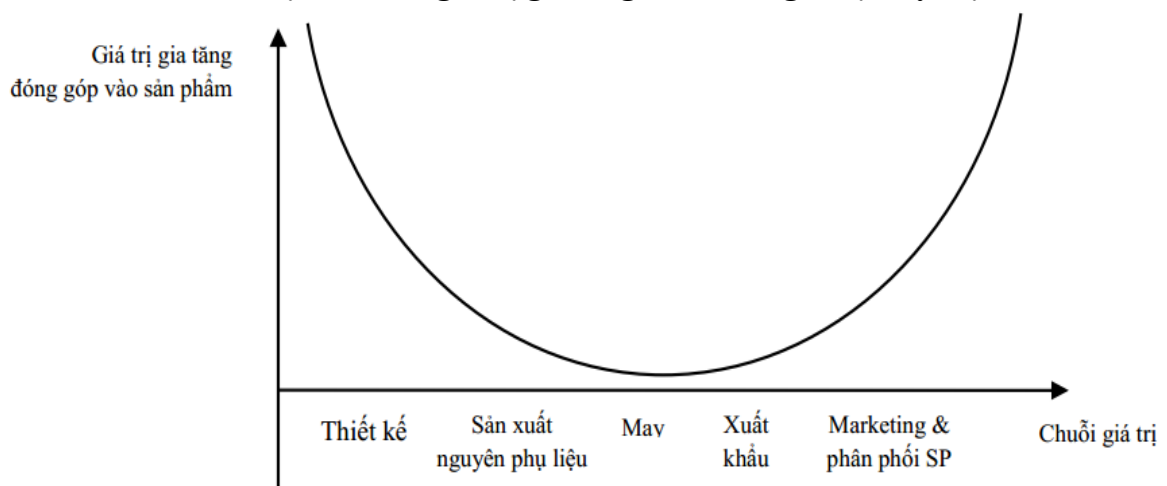
Hình 15: Chuỗi giá trị may mặc toàn cầu



(Nguồn: *The international competitiveness of Asian economies in the apparel commodity chain* (Gereffi, 2002))

Trong chuỗi giá trị may mặc toàn cầu, có 5 quá trình cơ bản bao gồm: Nguyên liệu đầu vào (bao gồm sợi tự nhiên và sợi nhân tạo) và các yếu tố sản xuất (bao gồm vải từ sợi tự nhiên và vải từ sợi tổng hợp) được cung cấp bởi các công ty sợi; Hệ thống sản xuất bao gồm các công ty sản xuất hàng may mặc; Hệ thống xuất khẩu bao gồm các trung gian thương mại, các công ty may với thương hiệu riêng và Hệ thống Marketing bao gồm các nhà bán lẻ, cửa hàng phân phối sản phẩm tới người tiêu dùng.

Hình 16: Đồ thị biểu diễn giá trị gia tăng của chuỗi giá trị may mặc



(Nguồn: Nguyễn Thị Hương (2009), *Nghiên cứu: Tham gia chuỗi giá trị may mặc toàn cầu*)

Mỗi quá trình này sẽ mang lại mức lợi nhuận và giá trị gia tăng khác nhau cho các đơn vị tham gia. Đồ thị biểu diễn giá trị gia tăng của các quá trình trong chuỗi giá trị may mặc như sau:¹⁰

- Thiết kế: Đây là khâu có tỷ suất lợi nhuận cao trong chuỗi giá trị, trong đó đặc biệt đề cao giá trị chất xám trong lao động. Các nước đi trước trong ngành công nghiệp may mặc, sau khi đã dịch chuyển hoạt động sản xuất của mình sang các nước khác thường chỉ tập trung vào công đoạn nghiên cứu và thiết kế sản phẩm mới nhằm tạo ra những thương hiệu nổi tiếng để đạt được tỷ suất lợi nhuận cao nhất. Ngày nay, các thương hiệu phải cạnh tranh khốc liệt với nhau trong việc liên tục đưa ra các bộ sưu tập với thiết kế mới nhằm thu hút người tiêu dùng. Điều đó đòi hỏi các doanh nghiệp cần có các nhà thiết kế có khả năng nắm được xu hướng, thị hiếu thời trang của người mua toàn cầu để có thể duy trì và phát triển công việc kinh doanh.
- Sản xuất nguyên phụ liệu: Đây là khâu vô cùng quan trọng hỗ trợ cho ngành may mặc phát triển. Đối với ngành may mặc, giá trị của phần nguyên phụ liệu chiếm tỷ trọng lớn và quyết định đến chất lượng sản phẩm. Nguyên phụ liệu trong ngành may mặc thường chia thành hai phần: nguyên liệu chính và phụ liệu; trong đó nguyên liệu chính là thành phần chính tạo nên sản phẩm may mặc (các loại vải), còn phụ liệu là các vật liệu đóng vai trò liên kết nguyên liệu. Hiện Trung Quốc là quốc gia đứng đầu trong thị trường này với những lợi thế về cả nhân công, nguồn nguyên liệu lẫn đầu ra cho thị trường.
- May: Đây là khâu đòi hỏi nhiều sức lao động nhất nhưng lại có tỉ suất lợi nhuận thấp nhất. May là công đoạn mà các quốc gia mới ở giai đoạn đầu phát triển trong ngành thường chọn để tham gia đầu tiên vì nó không đòi hỏi đầu tư cao về công nghệ. Những nước đang tham gia ở khâu này thường thực hiện việc gia công lại cho các nước đã phát triển lâu năm trong ngành may mặc, đây chính là đặc điểm chung trong khâu sản xuất trong ngành may mặc thế giới. Các quốc gia có ngành may mặc phát triển, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu từ lâu thường không còn thực hiện các công đoạn trong khâu này nữa mà hợp đồng gia công lại cho các quốc gia mới gia nhập ngành, có nguồn lao động giá rẻ và việc sản xuất nguyên phụ liệu đầu vào chưa phát triển như Bangladesh, Pakistan và Việt Nam. Đối với các doanh nghiệp tham gia hoạt động gia công, tỷ lệ giá trị thu về trong phân khúc may cũng sẽ khác nhau tùy theo phương thức xuất khẩu là CMT, FOB hay ODM.
- Xuất khẩu: Đây là khâu thâm dụng tri thức, gồm các công ty may mặc có thương hiệu, các văn phòng mua hàng, và các công ty thương mại của các nước. Một trong những đặc trưng đáng lưu ý nhất của chuỗi may mặc do người mua quyết định là sự tạo ra các nhà buôn với các nhãn hiệu nổi tiếng, nhưng không thực hiện bất cứ việc sản xuất nào. Họ là những nhà sản xuất không có nhà máy do hoạt động sản xuất được gia công tại hải ngoại, điển hình như các công ty Nike và Adidas. Các công ty này đóng vai trò trung gian kết hợp chuỗi cung ứng giữa các nhà may mặc, các nhà thầu phụ với các nhà bán lẻ toàn cầu. Trong chuỗi may mặc toàn cầu, chính các nhà buôn, các nhà cung cấp

¹⁰Nguồn: Theo nghiên cứu của Chương trình giảng dạy kinh tế Fullbright và VNDIRECT tổng hợp.

là các trung gian đóng vai trò then chốt và nắm giữ phần lớn giá trị trong chuỗi mặc dù họ không hề sở hữu nhà máy sản xuất nào.

- Marketing và Phân phối sản phẩm: Khâu này bao gồm mạng lưới marketing và phân phối sản phẩm, đây cũng là khâu thâm dụng tri thức. Các nhà bán lẻ nổi tiếng trên thế giới đang nắm giữ khâu này và thu được nguồn lợi nhuận khổng lồ hàng năm. Tại thị trường châu Âu, các nhà phân phối thường chính là nhà thiết kế, vì hơn ai hết, chính họ là người tường tận nhất nhu cầu và điều kiện để thoả mãn thị hiếu của khách hàng. Đây là khâu có suất sinh lợi cao nhất, do các công ty lớn trên thế giới nắm giữ và họ thường tạo ra các rào cản gia nhập ngành nên các quốc gia mới gia nhập chuỗi giá trị rất khó để xâm nhập được khâu này. Các công ty trong khâu này không trực tiếp làm ra sản phẩm, chỉ thực hiện hoạt động phân phối đến người tiêu dùng cuối cùng nhưng họ đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng và tác động đến chuỗi may mặc thế giới vì họ nắm rõ nhu cầu của những người tiêu dùng, cung cấp xu hướng thời trang cho các nhà thiết kế sản phẩm và nắm giữ hệ thống bán hàng, kênh phân phối trên toàn cầu.

Hiện tại, ngành may mặc Việt Nam chủ yếu vẫn hoạt động ở khâu may sản xuất, mà trong số đó chủ yếu là gia công cho các thương hiệu và nhà phân phối trên thế giới. 85% xuất khẩu theo phương thức CMT; 13% xuất khẩu theo phương thức FOB và chỉ 2% xuất khẩu theo phương thức ODM¹¹. Nếu so sánh ngành may mặc Việt Nam so với thế giới, ta có thể thấy trong khi ngành may mặc Việt Nam đang dừng ở mức may gia công là chủ yếu thì các nhà sản xuất trên thế giới đang cạnh tranh với nhau bằng cách dịch chuyển lên phương thức sản xuất FOB hay ODM nhằm đáp ứng những thay đổi quan trọng trên thị trường cũng như gia tăng lợi nhuận. Việc đi theo xu hướng này chính là điều kiện cần thiết để ngành may mặc Việt Nam nâng cấp vị thế của mình trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Muốn thâm nhập sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu thì các doanh nghiệp cần phải bắt đầu sản xuất dưới dạng FOB, ODM.

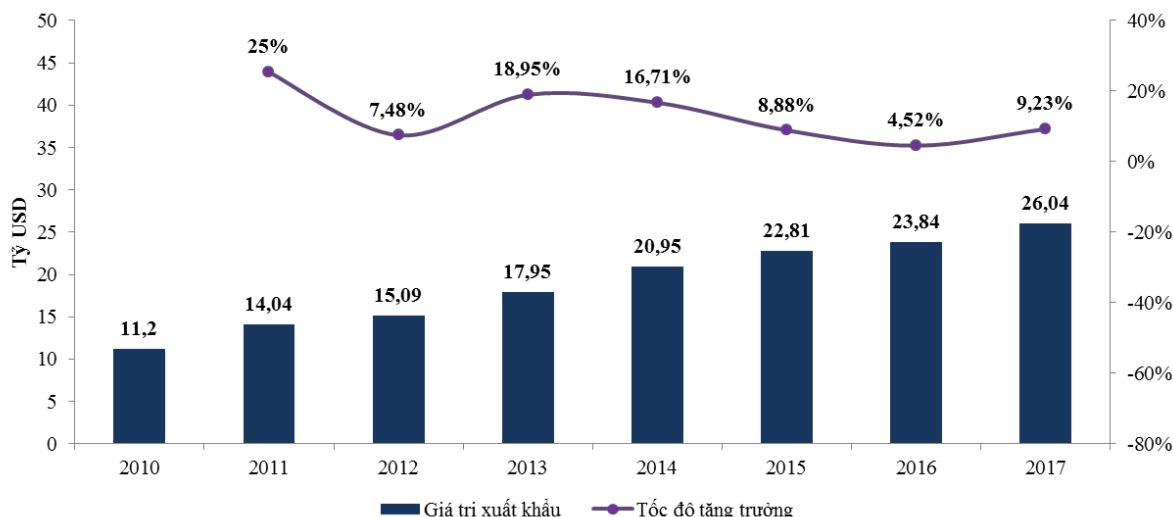
Trong phân khúc May, ngành may mặc Việt Nam có triển vọng tăng trưởng khả quan và đồng thời vẫn là ngành xuất khẩu chủ lực của nước ta trong thời gian sắp tới. Theo VITAS, để tối ưu hóa lợi nhuận với phương thức CMT, các doanh nghiệp may mặc rất chú trọng đến chi phí nhân công – chi phí lớn nhất ảnh hưởng tới lợi nhuận của doanh nghiệp do ngành may mặc là ngành thâm dụng lao động và năng suất, tay nghề của lao động để tối thiểu hóa lượng nguyên vật liệu hao hụt cũng như đảm bảo thời gian, tiến độ giao hàng của các đơn đặt hàng. Việt Nam có lợi thế về nguồn lao động giá rẻ và dồi dào. Theo tổ chức lao động quốc tế, Việt Nam là một trong những nước có mức lương trung bình cho lao động thấp nhất trong khu vực ASEAN. Cơ cấu lao động trẻ, đa số trong độ tuổi từ 18-60 tuổi. Đây là lợi thế cạnh tranh lớn cho ngành may mặc Việt Nam phát triển trong những năm tiếp theo.

Các sản phẩm may mặc của Việt Nam chủ yếu được xuất khẩu. Kim ngạch xuất khẩu may mặc của Việt Nam tăng đều qua các năm và trở thành một trong những mặt hàng xuất khẩu

¹¹Báo cáo EVFTA và ngành dệt may, giày dép Việt Nam do VCCI và Dự án MUTRAP thực hiện năm 2017.

chủ yếu của cả nước. Theo Bộ Công Thương, trong năm 2017 này, bên cạnh đưa hàng may mặc vào các thị trường truyền thống như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản và Hàn Quốc, các doanh nghiệp Việt Nam đã thành công trong việc phát triển mở rộng sang các thị trường mới như Angola, Thái Lan, Nga...

Hình 17: Giá trị xuất khẩu may mặc của Việt Nam



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Ở phương diện quốc tế, cam kết mở cửa thị trường mạnh mẽ trong Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) là một yếu tố quan trọng để thúc đẩy quan hệ thương mại Việt Nam-EU, giúp mở rộng hơn nữa thị trường cho hàng xuất khẩu, đặc biệt là những sản phẩm mà Việt Nam có thế mạnh như may mặc. Theo hiệp định, hai bên sẽ xóa bỏ hơn 99% số dòng thuế nhập khẩu theo nguyên tắc 7/10 (EU sẽ xóa bỏ toàn bộ thuế nhập khẩu hàng hóa từ Việt Nam tối đa trong 7 năm theo các lộ trình xóa bỏ ngay, xóa bỏ sau 3 năm, sau 5 năm và 7 năm. Việt Nam sẽ xóa bỏ hoàn toàn sau 10 năm với các lộ trình xóa bỏ ngay, xóa bỏ sau 3 năm, sau 5 năm, sau 7 năm và sau 10 năm). Với một số dòng thuế còn lại, hai bên sẽ áp dụng hạn ngạch thuế quan hoặc cắt giảm thuế quan một phần. Đây có thể coi là những ưu đãi về thuế cao nhất mà Việt Nam đạt được trong các Hiệp định FTA đã được ký kết từ trước tới nay. Do đó, triển vọng mở rộng thị trường xuất khẩu của các doanh nghiệp may mặc Việt Nam trong thời gian tới, mà TDT là một trong số đó, là rất sáng sủa.

8.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Bảng 9 : So sánh kết quả kinh doanh của một số Công ty cùng ngành đã niêm yết/ĐKGD năm 2017

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	CTCP Đầu tư và Phát triển TDT	CTCP Đầu tư và Thương mại TNG	TCT May 10 - CTCP	Tổng Công ty cổ phần may Việt Tiến	Công ty Cổ phần May mặc Hòa Thọ
Doanh thu thuần	216.582	2.488.606	3.028.006	8.452.091	3.875.550
Lợi nhuận sau thuế	12.422	115.015	52.490	396.381	79.426
Vốn điều lệ tại 31/12/2017	80.150	411.172	189.000	441.000	225.000
Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2017	94.315	629.267	369.133	1.473.853	437.640
ROE	16,75%	20,00%	17,51%	27,34%	20,02%
ROA	6,48%	5,65%	3,98%	9,36%	4,09%

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2017 của các Công ty.)

8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Trong thời gian tới, với mục tiêu phát triển TDT trở thành doanh nghiệp hàng đầu của ngành May mặc Việt Nam với trọng tâm là hoạt động may gia công xuất khẩu, hướng phát triển này của TDT được đánh giá là phù hợp với định hướng phát triển của ngành, của nền kinh tế và đáp ứng được các yêu cầu định hướng phát triển trong chính sách của Nhà nước nhằm đưa TDT trở thành thương hiệu có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế.

❖ Định hướng phát triển ngành may mặc Việt Nam:

Với Quyết định số 3218/QĐ-BCT về quy hoạch phát triển ngành công nghiệp may mặc đến năm 2020, tầm nhìn 2030, Chính phủ đã thể hiện rõ quyết tâm đưa ngành may mặc Việt Nam vào một lộ trình phát triển khoa học và tiến bộ với quan điểm “phát triển ngành may mặc theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững; chuyển mạnh sản xuất từ gia công sang mua nguyên liệu, bán thành phẩm, đảm bảo nâng cao chất lượng, đa dạng hóa các mặt hàng xuất khẩu”. Cụ thể:

- Giai đoạn 2013 đến 2015: Tốc độ tăng trưởng về giá trị sản xuất công nghiệp toàn ngành đạt 12% đến 13%/năm, trong đó ngành dệt tăng 11% đến 12%/năm, ngành may tăng 13% đến 14%/năm. Tăng trưởng xuất khẩu đạt 10% đến 11%/năm. Tăng trưởng thị trường nội địa đạt 9% đến 10%/năm;
- Giai đoạn 2016 đến 2020: Tốc độ tăng trưởng về giá trị sản xuất công nghiệp toàn ngành đạt 12% đến 13%/năm, trong đó ngành dệt tăng 13% đến 14%/năm, ngành may

tăng 12% đến 13%/năm. Tăng trưởng xuất khẩu đạt 9% đến 10%/năm. Tăng trưởng thị trường nội địa đạt 10% đến 12%/năm;

- Giai đoạn 2021 đến 2030: Tốc độ tăng trưởng về giá trị sản xuất công nghiệp toàn ngành đạt 9% đến 10%/năm. Trong đó ngành dệt tăng 10% đến 11%/năm, ngành may tăng 9% đến 10%/năm. Tăng trưởng xuất khẩu đạt 6% đến 7%/năm. Tăng trưởng thị trường nội địa đạt 8% đến 9%/năm;
- Cơ cấu ngành dệt, ngành may trong cơ cấu toàn ngành may mặc: đến năm 2015, ngành dệt chiếm tỷ trọng 45%, ngành may chiếm tỷ trọng 55%; năm 2020, tỷ trọng ngành dệt tăng lên 47%, ngành may giảm còn 53%; năm 2030, ngành dệt tăng lên 49%, ngành may còn 51% trong toàn bộ cơ cấu ngành may mặc.

Bảng 10: Các mục tiêu cụ thể của ngành may mặc đến năm 2030

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2020	Năm 2030
1	Kim ngạch XK	Tỷ USD	23-24	36-38	64-67
	Tỷ lệ XK so cả nước	%	15-16	13-14	9-10
2	Sử dụng lao động	1.000 người	2.500	3.300	4.400
3	Sản phẩm chủ yếu				
	- Bông xơ	1000 Tấn	8	15	30
	- Xơ, sợi tổng hợp	1000 Tấn	400	700	1.500
	- Sợi (kéo từ xơ cắt ngắn)	1000 Tấn	900	1.300	2.200
	- Vải các loại	Triệu VND/m ²	1.500	2.000	4.500
	- Sản phẩm may	Triệu VND/SP	4.000	6.000	9.000
4	Tỷ lệ nội địa hóa	%	55	65	70

(Nguồn: Quyết định số 3218/QĐ-BCT)

Bên cạnh việc đề ra các chỉ tiêu cho ngành may mặc đến năm 2030, Quyết định số 3218/QĐ-BCT còn nêu ra định hướng phát triển cho một số lĩnh vực quan trọng trong may mặc mà TDT đang hướng tới, đó là tăng cường cho ngành may xuất khẩu để tận dụng cơ hội thị trường:

- Đa dạng hóa và nâng cao đẳng cấp mặt hàng may mặc, phát triển các mặt hàng có giá trị gia tăng cao;
- Nâng cao năng lực của các doanh nghiệp trong dịch chuyển phương thức sản xuất kinh doanh: từ hình thức gia công từ khâu đầu đến khâu cuối (CMT) sang các hình thức khác như sản xuất từng phần (OEM), mua nguyên liệu - sản xuất - bán thành phẩm (FOB) hoặc thiết kế - sản xuất - cung cấp sản phẩm và dịch vụ liên quan (ODM), tiến tới sản xuất sản phẩm với thương hiệu riêng (OBM);

- Nâng cao năng suất lao động, nâng cao năng lực trong quản lý doanh nghiệp, thiết kế mẫu, quản lý chất lượng, xúc tiến thương mại;
- Dịch chuyển sản xuất may mặc từ các thành phố lớn về các địa phương có nguồn lao động và thuận lợi giao thông.

Song song với việc đề ra định hướng phát triển, Bộ Công thương cũng có các chỉ đạo cụ thể và đồng bộ về các mặt: Cơ quan quản lý Nhà nước, đầu tư, quản lý ngành, phát triển nguồn nhân lực, khoa học công nghệ cũng như tài chính nhằm tạo điều kiện tối đa cho ngành may mặc, trong đó đặc biệt là các chỉ đạo liên quan đến nhóm ngành may mặc gia công xuất khẩu của TDT:

- Tập trung khả năng và cơ hội đàm phán mở rộng thị trường may mặc, tăng cường vai trò của các đại diện thương mại tại nước ngoài, xây dựng chiến lược xúc tiến thương mại phù hợp với các nhà bán lẻ, các nhà mua hàng quốc tế;
- Đẩy mạnh cải cách các thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế, hải quan, xuất nhập khẩu theo hướng đơn giản hóa các thủ tục; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống buôn lậu, trốn thuế;
- Tăng cường công tác phổ biến pháp luật thương mại quốc tế giúp các doanh nghiệp vượt qua các rào cản của các nước nhập khẩu.
- Các doanh nghiệp trong ngành may mặc: cần đổi mới phương thức tiếp thị xuất khẩu, quan tâm đến việc xây dựng, quảng bá thương hiệu, hình ảnh của ngành may mặc Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Như vậy, có thể thấy với trong kế hoạch của Chính phủ đối với ngành may mặc, các doanh nghiệp có sản phẩm xuất khẩu như TDT là một trọng tâm được ưu tiên lớn cả về mặt quy định, thủ tục hành chính lẫn cơ sở hạ tầng, nhân lực, và các yếu tố liên quan khác. Đây là một cơ hội không thể tốt hơn cho TDT để tận dụng các ưu đãi từ phía Chính phủ nhằm phát triển, đặc biệt là với kế hoạch 05 năm tiếp theo của Công ty.

❖ *Định hướng phát triển của Công ty trong 05 năm tiếp theo:*

Trong giai đoạn 05 năm tới, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT sẽ tiếp tục tập trung và phát triển mảng hoạt động chính mà mình có thế mạnh là sản xuất hàng may mặc xuất khẩu, trong đó cụ thể:

- Tiếp tục phát triển mở rộng hệ thống nhà máy vệ tinh.
- Nâng cao trình độ thiết kế, phát triển mẫu, khả năng tìm nguồn nguyên phụ liệu, kỹ năng đàm phán.
- Đầu tư công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại, quy trình quản lý sản xuất tinh gọn để đạt được tăng trưởng đột phá về năng suất lao động.
- Tăng dần tỷ trọng nhóm hàng FOB có tỷ suất lợi nhuận cao.
- Mở văn phòng đại diện tại các thành phố lớn trong cả nước và thị trường xuất khẩu lớn như Hoa Kỳ/EU/Nhật Bản nhằm đẩy mạnh công tác sales/marketing, tiếp cận và làm việc trực tiếp với các khách hàng bán lẻ tại các thị trường này nhằm gia tăng tỷ suất lợi nhuận.

Định hướng phát triển của Công ty là hoàn toàn phù hợp và sẽ tận dụng được tối đa những ưu đãi của Chính phủ đối với ngành may mặc. Trong đó, đáng chú ý nhất là việc Công ty sẽ tăng dần tỷ trọng nhóm hàng gia công có tỷ suất lợi nhuận cao (từ CMT sang FOB và tiến tới là ODM, OBM). Như đã phân tích ở trên, đây là một xu hướng phát triển tất yếu không chỉ ở Việt Nam mà trên toàn thế giới của các công ty may mặc khi đã đạt đến một mức độ phát triển nhất định, và với TDT, đây chính xác là thời điểm vàng để bắt đầu quá trình chuyển đổi. Ở TDT hiện đã hội tụ đầy đủ các yếu tố về mặt con người (đội ngũ quản lý kinh nghiệm và lao động tay nghề cao), máy móc công nghệ (các thiết bị và công nghệ sản xuất đều thuộc hàng tiên tiến nhất trong ngành may mặc tại Việt Nam), nguồn vốn, và lại ở trong giai đoạn đầu của kế hoạch phát triển ngành may mặc với nhiều ưu đãi từ phía cơ quan chủ quản. Không chỉ có vậy, trên bình diện khu vực và quốc tế, một loạt các hiệp định thương mại chuẩn bị có hiệu lực như Hiệp định Đối tác Toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam EU (có hiệu lực từ năm 2018) sẽ mở toang cánh cửa vào một loạt các thị trường đầy tiềm năng với mức thuế suất vô cùng ưu đãi. Do đó, có thể khẳng định, với kế hoạch 05 năm đã được đề ra cùng tầm nhìn chiến lược của ban điều hành Công ty, triển vọng phát triển trong thời gian tới của TDT là vô cùng tích cực.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT luôn xem nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi và là tài sản quý giá của công ty. Chính sách nhân sự của TDT được xây dựng với mục đích biến nguồn nhân lực trở thành một ưu thế cạnh tranh hàng đầu.

Số lượng nhân viên công ty TDT tính đến 31/03/2018 là 1.182 người, cụ thể:

Bảng 11 : Số lượng lao động tại Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I. Phân theo giới tính	1.182	100,0
Nam	177	15
Nữ	1.005	85
II. Phân loại theo trình độ	1.182	100,0
Đại học, Cao đẳng	34	3
Trung cấp và hệ nâng cao kỹ thuật may	100	8
Công nhân kỹ thuật	918	78
Trung học phổ thông trở xuống	130	11
III. Phân loại theo tính chất hợp đồng lao động	1.182	100,0
Cán bộ quản lý	34	3

(Nguồn: CTCP Đầu tư và Phát triển TDT)

9.2. Chính sách đối với người lao động

- Tất cả lao động đều được đào tạo phù hợp với vị trí theo chương trình của công ty.
- Người lao động được hưởng các khoản phụ cấp: xăng xe, phụ cấp lao động ưu tiên, lao động nữ và nhà trẻ mẫu giáo.
- Người lao động được vào làm việc tại công ty, được tham gia bảo hiểm đầy đủ theo quy định của pháp luật và được bảo lưu mức đóng Bảo hiểm theo từng bậc thợ của từng cá nhân nếu đã tham gia đóng bảo hiểm từ trước.
- Được đi thăm quan nghỉ mát và hưởng các khoản phúc lợi khác theo quy định chung của Công ty.
- Có xe ca đưa đón CBCNV đi làm và được bố trí miễn phí nhà ở, nếu CBCNV ở ngoài tỉnh có nhu cầu nhà ở.

9.3. Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Với mục tiêu xây dựng đội ngũ chuyên nghiệp, công ty thường xuyên tuyển dụng, đào tạo nghiệp vụ đối với cán bộ nhân viên và xây dựng hệ thống đào tạo một cách bài bản, liên tục và thông suốt.

Tùy theo từng vị trí cụ thể mà công ty đưa ra những tiêu chuẩn, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản về trình độ, kinh nghiệm, đạo đức và ý thức trong công việc. Đối với các vị trí quan trọng, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn với các yêu cầu về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, tác nghiệp độc lập.

Công ty có chính sách lương, thưởng và những chế độ đãi ngộ cao dành cho các nhân viên giỏi, có trình độ học vấn cao và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến ngành nghề hoạt động của công ty nhằm một mặt tạo tâm lý ổn định cho nhân viên và thu hút nguồn nhân lực giỏi về làm việc cho công ty.

9.4. Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

Người lao động trong công ty ngoài tiền lương được hưởng cố định còn được thưởng căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.

Ngoài chế độ tiền lương công ty thực hiện đầy đủ công bằng các chế độ chính sách khuyến khích người lao động như tiền ăn ca, tiền lễ tết, thưởng hoàn thành chỉ tiêu. Tạo cho người lao động yên tâm và cống hiến trong công việc. TDT thường xuyên đánh giá định kỳ năng lực, khả năng hoàn thành công việc của cán bộ nhân viên để thực hiện nâng lương, thưởng, khuyến khích mọi thành viên nỗ lực phấn đấu trong công việc.

Hàng năm, công ty hỗ trợ lương, đào tạo học việc, tạo mọi điều kiện thuận lợi về thời gian và công việc cho cán bộ và người lao động tham gia các lớp học tại chức, khóa học và lớp tập huấn ngắn hạn về quản trị doanh nghiệp, kế toán tài chính, chính sách thuế, quản trị nhân sự, quản lý đầu tư, tập trung nâng cao khả năng làm việc theo hướng chuyên nghiệp.

Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến trong hoạt động đem lại hiệu quả kinh doanh cao. Đồng thời, công ty áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động và hình ảnh của công ty.

9.5. Chính sách đánh giá, thăng tiến và phát triển

❖ Chính sách đánh giá

- Mọi nhân viên phải tham gia đánh giá mức độ hoàn thành công việc của mình trong năm theo quy trình do phòng Nhân sự hướng dẫn.
- Kết quả đánh giá là yếu tố quan trọng để xem xét việc tăng lương, thưởng, khả năng thăng tiến cũng như hạ cấp hoặc thôi việc của nhân viên.
- Việc đánh giá mức độ hoàn thành công việc được thực hiện tối thiểu mỗi năm một lần.

❖ Chính sách thăng tiến và phát triển nghề nghiệp

- Cơ hội thăng tiến nghề nghiệp công bằng cho mọi đối tượng được xác lập bằng kế hoạch sử dụng nguồn nhân lực.
- Những nhân viên có khả năng làm việc tốt, có khả năng thích ứng và đầy đủ các tố chất và tiêu chuẩn phù hợp với nhu cầu hoạt động thực tế của công ty đều có cơ hội thăng tiến theo cấp bậc nghề nghiệp hoặc cấp bậc quản lý của công ty.

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ chi trả cổ tức cho cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo tình hình kinh doanh.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Trong các năm gần nhất, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT đều kinh doanh có lãi và trả cổ tức ở tỷ lệ 15 – 20% cho cổ đông. Tình hình chi trả cổ tức các năm gần đây của TDT cụ thể như sau:

Bảng 12: Tình hình chi trả cổ tức các năm gần nhất

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Phương thức chia cổ tức
2015	15%	5% bằng tiền, 10% bằng cổ phiếu
2016	20%	5% bằng tiền, 15% bằng cổ phiếu

2017

12%

Bằng tiền (chưa thanh toán cổ tức)

(Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT)

11. Các chỉ tiêu cơ bản

11.1. Trích khấu hao TSCĐ

Công ty tính khấu hao TSCĐ hữu hình được ghi nhận theo giá gốc và tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC. Thời gian cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

Bảng 13: Khấu hao tài sản cố định

STT	Tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	05-15
2	Máy móc, thiết bị	03-10
3	Phương tiện vận tải	06-10
4	Thiết bị văn phòng	03-06
5	Tài sản cố định khác	03-05
6	Quyền sử dụng đất	49

(Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT)

11.2. Mức lương bình quân

Bảng 14: Mức lương bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Mức lương bình quân (đồng/người/tháng)	3.701.000	4.014.000	6.072.298

(Nguồn: CTCP Đầu tư và Phát triển TDT)

11.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong thời gian qua.

11.4. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, Công ty không có khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước nào quá hạn.

Bảng 15: Chi tiết các khoản Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	782	763	80
2	Thuế thu nhập cá nhân	22	50	31
	Tổng cộng	804	813	111

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC Quý I năm 2018 của CTCP Đầu tư và Phát triển TDT)

11.5. Trích lập các quỹ

Cho đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa thực hiện trích lập các quỹ. Trong các năm qua, Công ty tập trung bổ sung nguồn lực đầu tư phát triển, mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty.

11.6. Tổng dư nợ vay

Bảng 16: Chi tiết số dư các khoản vay của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Đối tượng cho vay	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
Vay ngắn hạn	65.072	74.242	77.369
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (i)	57.200	52.101	56.923
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (ii)	5.125	18.681	17.128
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Thái Nguyên (iii)	1.000	920	1.519
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thái Nguyên (iv)	1.747	1.800	1.800
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	-	-	-
Vay cá nhân (v)	-	740	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	11.444	8.071	6.454

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên	11.444	8.071	6.454
Vay dài hạn	28.678	12.675	14.780
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (i)	12.640	4.568	4.568
Pan Pacific Co., Ltd (vi)	8.498	5.666	4.551
Vay cá nhân (v)	7.540	2.440	5.600
Tổng cộng	105.194	94.988	98.603

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC Quý I năm 2018 của CTCP Đầu tư và Phát triển TDT)

(i): Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng số 04/2017-HĐTĐHM/NHCT220-TDT ngày 11 tháng 04 năm 2017. Theo đó, hạn mức tín dụng là 76.000.000.000 đồng (sửa đổi theo văn bản 02/2017 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam gửi Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT), lãi suất và thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ. Lãi vay được trả hàng tháng. Biện pháp đảm bảo bằng tài sản cố định và bất động sản của Công ty và các bên thứ ba. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động.

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Thái Nguyên theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 12/2015-HĐTĐDA/NHCT220-TDT ngày 16 tháng 12 năm 2015, hạn mức tín dụng tối đa 9.780.000.000 đồng, thời hạn cho vay các khoản nợ là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất khoản giải ngân đầu tiên là 9%/năm và thời hạn vay theo từng kế ước nhận nợ. Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và theo các hợp đồng thế chấp tài sản. Mục đích vay: đầu tư mua sắm máy móc thiết bị và công cụ dụng cụ của dự án mở rộng sản xuất hàng may mặc xuất khẩu.

- Hợp đồng tín dụng số 29.04/2014-HĐTĐDA/NHCT220-TDT ngày 29 tháng 04 năm 2014, hạn mức tín dụng tối đa 400.000.000 đồng, thời hạn cho vay các khoản nợ là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất khoản giải ngân đầu tiên là 12,5%/năm và thời hạn vay theo từng kế ước nhận nợ. Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và theo các hợp đồng thế chấp tài sản. Mục đích vay: đầu tư mua xe ô tô.

- Hợp đồng tín dụng số 30.05/2014-HĐTĐDA/NHCT220-TDT ngày 13 tháng 06 năm 2014, hạn mức tín dụng tối đa 10.460.000.000 đồng, thời hạn cho vay các khoản nợ là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất khoản giải ngân đầu tiên là 12%/năm và thời hạn vay theo từng kế ước nhận nợ. Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và theo các hợp đồng thế chấp tài sản. Mục đích vay: đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.

- Hợp đồng tín dụng số 01/2013-HĐTDDA/NHCT220-TDT ngày 31 tháng 10 năm 2013, hạn mức tín dụng tối đa 5.785.000.000 đồng, thời hạn cho vay các khoản nợ là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất khoản giải ngân đầu tiên là 13%/năm và thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ. Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và theo các hợp đồng thế chấp tài sản. Mục đích vay: đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.

- Hợp đồng tín dụng số 220/2012-HĐTDDA/NHCT220-TDT ngày 14 tháng 06 năm 2012, hạn mức tín dụng tối đa 10.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay các khoản nợ là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất khoản giải ngân đầu tiên là 17%/năm và thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ. Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và theo các hợp đồng thế chấp tài sản. Mục đích vay: đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất hàng may sẵn giai đoạn II.

- Hợp đồng tín dụng số 220/2011/3644/HĐTĐ ngày 31 tháng 12 năm 2011, hạn mức tín dụng tối đa 12.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay các khoản nợ là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất khoản giải ngân đầu tiên là 20%/năm và thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ. Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và theo các hợp đồng thế chấp tài sản. Mục đích vay: đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất hàng may sẵn.

(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng số 01/2017/4642906/HĐTĐ ngày 19 tháng 04 năm 2017. Theo đó, hạn mức tín dụng là 26.000.000.000 đồng, lãi suất và thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ. Lãi vay được trả hàng tháng. Biện pháp đảm bảo bằng tài sản cố định và bất động sản của Công ty và các bên thứ ba. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, Bảo lãnh và mở LC.

(iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng số 13535666.26.06.2017/HĐHMTĐ ngày 26 tháng 06 năm 2017. Theo đó, hạn mức tín dụng là 3.500.000.000 đồng, lãi suất và thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ. Lãi vay được trả hàng tháng. Biện pháp đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của bên thứ ba. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất hàng may mặc, thanh toán chế độ lương cho cán bộ nhân viên.

(iv) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – CN Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng số HDTD2802017167 ngày 26 tháng 09 năm 2017. Theo đó, hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 đồng, lãi suất và thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ. Lãi vay được trả hàng tháng. Biện pháp đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của bên thứ ba. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

(v) Vay ngắn hạn các cá nhân là cán bộ công nhân viên và người thân các cổ đông trong Công ty theo các hợp đồng vay, lãi suất từ 7,5% đến 10%/năm. Thời hạn vay từ 01 tháng đến 06 tháng. Vay theo hình thức tín chấp. Mục đích vay để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh.

Vay dài hạn các cá nhân là cán bộ công nhân viên và người thân các cổ đông trong Công ty theo các hợp đồng vay, lãi suất từ 10% đến 10,2%/năm. Thời hạn vay từ 01 năm đến 04 năm. Vay theo hình thức tín chấp. Mục đích vay để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh.

Các hợp đồng đến hạn thanh toán gốc hoặc lãi, Công ty đều thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi theo đúng hạn của các khoản vay.

(vi) Vay dài hạn Pan Pacific Co., Ltd theo hợp đồng ký ngày 11 tháng 08 năm 2014. Theo đó, Pan Pacific Co., Ltd cho Công ty vay 400.000 USD, lãi suất vay 5%/năm. Mọi loại thuế, phí phát sinh từ khoản vay này Công ty chịu. Nợ gốc được trả theo từng đợt, trong vòng 04 năm kể từ sau thời gian gia hạn nợ 02 năm. Mục đích vay để mở rộng nhà xưởng. Lãi vay được trả định kỳ 06 tháng một lần. Vay theo hình thức tín chấp.

Nhìn vào cơ cấu vốn vay của TDT, có thể nhận thấy Công ty sử dụng nhiều vốn vay ngắn hạn để phục vụ cho nhu cầu vốn lưu động. Đây là đặc điểm thường thấy ở các Công ty may mặc khi các đơn hàng đến liên tục trong năm, từ đó phát sinh nhu cầu vốn cho chi phí nhân công cùng phụ liệu, chi phí khác.

11.7. Tình hình công nợ hiện nay

❖ Các khoản phải thu

Bảng 17: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	22.371	38.699	19.684
Phải thu ngắn hạn khách hàng	15.643	30.948	11.675
Trả trước cho người bán ngắn hạn	865	671	1.773
Phải thu về cho vay ngắn hạn	5.580	6.888	4.347
Phải thu ngắn hạn khác	283	192	1.889
II. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	22.371	38.699	19.684

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2016, 2017 và BCTC Quý I năm 2018 của

CTCP Đầu tư và Phát triển TDT)

- Phải thu ngắn hạn khách hàng: trong năm 2017, Công ty đã xuất hóa đơn và đã giao các đơn hàng cho các đối tác (lớn nhất là Asmara International Limited, Ever star manufacturer LTD). Thời hạn thanh toán của các đơn hàng này là từ tháng 01 đến 03 năm 2018. Do đó tại thời điểm 31/12/2017, phát sinh khoản phải thu tăng mạnh (từ 15 tỷ

năm 2016 lên 30 tỷ năm 2017). Phát sinh tăng này cũng là do Công ty mở rộng khách hàng, tăng đơn hàng và hoàn toàn phù hợp với tốc độ tăng trưởng của Doanh thu.

- *Trả trước cho người bán ngắn hạn:* Đây là các khoản trả trước cho các đối tác kinh doanh truyền thống của Công ty để nhập hàng như đơn vị cung cấp máy may Juki Machinery Việt Nam, Pegasus Việt Nam, ... khi có nhu cầu về hàng hóa hoặc phụ liệu phát sinh.
- *Phải thu về cho vay ngắn hạn:* Là khoản cho cổ đông (bao gồm: cổ đông là thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người có liên quan đến các thành viên này và các cổ đông là cán bộ công nhân viên) và cho cán bộ công nhân viên vay, cụ thể như sau:

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	31/12/2016	31/12/2017	31/3/2018
1	Cổ đông là thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người có liên quan đến các thành viên này	3.790	4.732	0
2	Cổ đông là cán bộ công nhân viên	1.623	1.878	3.915
3	Cán bộ công nhân viên	167	278	432
Tổng cộng		5.580	6.888	4.347

+ Các khoản cho cổ đông là thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người có liên quan đến các thành viên này đã được thu hồi toàn bộ trong quý I/2018.

+ Đến ngày 30/05/2018 các khoản cho cổ đông là cán bộ công nhân viên vay đã được thu hồi toàn bộ.

Công ty cam kết trong thời gian tới sẽ không cấp các khoản vay cho cổ đông, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ và thực hiện đúng quy định về quản trị công ty theo quy định.

+ Các khoản cho cán bộ công nhân viên vay với lãi suất 0-8,5%/năm thời hạn từ 1-2 năm chủ yếu là vay tín chấp

11.8 Các khoản phải trả

Bảng 18: Chi tiết các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
Nợ ngắn hạn	90.783	102.193	97.050
Phải trả cho người bán ngắn hạn	6.311	11.843	8.516

Người mua trả tiền trước	-	-	-
Thuế và các khoản nộp nhà nước	804	813	111
Phải trả người lao động	4.864	5.598	1.833
Chi phí phải trả ngắn hạn	228	114	123
Phải trả ngắn hạn khác	2.060	1.512	2.643
Vay và nợ ngắn hạn	76.516	82.313	83.823
Nợ dài hạn	28.678	12.675	14.780
Vay và nợ dài hạn	28.678	12.675	14.780
Tổng cộng	119.461	114.868	111.830

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC năm 2018 của CTCP Đầu tư và Phát triển TDT)

- *Phải trả cho người bán ngắn hạn:* phải trả cho các đối tượng khác đến 31/12/2017 là 8.101.012.086 đồng, đến hết Quý I/2018 Công ty đã thanh toán cho các nhà cung cấp khoảng 93% còn 7% chưa thanh toán cho hai nhà cung cấp là do giữ lại 5% giá trị bảo hành công trình trong thời gian 12 tháng kể từ ngày bàn giao đưa vào sử dụng.
- *Phải trả người lao động:* Đây là các khoản phải trả liên quan đến người lao động của công ty, bao gồm chi phí lương và các phúc lợi liên quan.
- *Chi phí phải trả ngắn hạn:* Đây là khoản phải trả liên quan đến chi phí lãi vay và các khoản phải trả của năm 2016 đã được thanh toán đúng hạn theo các hợp đồng tín dụng liên quan.
- *Phải trả ngắn hạn khác:* Đây là các khoản phải trả liên quan đến kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và một số khoản phải trả ngắn hạn khác. Về Bảo hiểm xã hội công ty thanh toán tiền ốm đau, thai sản, dưỡng sức cho cán bộ công nhân viên vào ngày 02/03/2018, còn kinh phí công đoàn sẽ chuyển lên cấp trên phần trích nộp khi Công đoàn cấp trên yêu cầu, có công văn gửi số trích nộp về, số còn lại giữ lại cho Công đoàn cơ sở hoạt động số này sẽ chi khi có yêu cầu của Ban chấp hành công đoàn cơ sở.
- *Vay và nợ ngắn và dài hạn:* Đây là các khoản vay tín dụng từ ngân hàng và tổ chức, cá nhân khác đã được trình bày trong phần Tổng dư nợ vay ở trên.

11.8. Chỉ tiêu hàng tồn kho

Bảng 19: Hàng tồn kho Công ty

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
1	Nguyên liệu, vật liệu	5.745	5.793	5.546
2	Công cụ, dụng cụ	387	28	13
3	Chi phí sản xuất, kinh doanh	286	5.222	13.005

dở dang				
4	Thành phẩm	45.932	63.331	73.462
5	Hàng hóa	84	42	43
Tổng cộng		52.434	74.416	92.069

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC Quý I năm 2018 của CTCP Đầu tư và Phát triển TDT)

Hàng tồn kho cuối năm 2017 tăng đột biến do Tại thời điểm cuối năm 2017, Công ty đang còn các hợp đồng với Asmara International Limited, Pan- pacific Co., LTD và Tổng Công ty may Đức Giang...Theo lịch chuyển giao sản phẩm thì các đơn hàng này sẽ được giao vào tháng 1/2018. Do đó, tại thời điểm 31/12/2017, thành phẩm tồn kho lên đến 63 tỷ đồng. Hàng tồn kho của công ty chủ yếu gồm: Nguyên phụ liệu (vải, bông, mex,cúc, chốt , chỉ, chun, băng dính, khóa và các phụ kiện khác của ngành may để tạo ra thành phẩm), chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (là những bán thành phẩm được cắt từ nguyên liệu, các thành phẩm chưa được hoàn thiện để đủ điều kiện đưa đi tiêu thụ), Thành phẩm (Quần sooc, quần bơi, Áo Jacket ... đã được hoàn thiện đủ điều kiện đi tiêu thụ). Không có những dấu hiệu để cho rằng giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được nên theo quy định kế toán hiện hành, Công ty không phải trích lập dự phòng khoản hàng tồn kho này.

11.9. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 20: Các chỉ tiêu tài chính Công ty

Khoản mục	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	0,97	1,29
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,39	0,56
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,69	0,55
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	2,21	1,22
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	vòng	2,86	2,69
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	lần	0,82	1,11

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,32	5,74
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	14,51	16,74
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	3,62	6,47
Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4,83	6,17
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng/cổ phần	1.529	2.499

(Nguồn: các chỉ tiêu được tính toán trên cơ sở số liệu BCTC kiểm toán 2016, 2017 của CTCP Đầu tư và Phát triển TDT)

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

STT	Tên	Chức vụ
1	Ông Chu Thuyên	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Đặng Đình Vụ	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Phạm Thái Hòa	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
5	Ông Dương Ngọc Hải	Thành viên HĐQT độc lập

❖ Ông Chu Thuyên – Chủ tịch HĐQT

Họ tên: **CHU THUYÊN**
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 31/12/1970
 Nơi sinh: Tổ 21- P. Phan Đình Phùng – TP Thái Nguyên
 Quốc tịch: Việt Nam
 Địa chỉ: Tổ 21- P. Phan Đình Phùng – TP Thái Nguyên
 CMND: 090717906
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật

Chức vụ hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Năm 2002 đến tháng 10/2004	Phòng kế hoạch vật tư công ty May Thái nguyên	Trưởng nhóm Vật tư- XNK
Tháng 10/2004 đến tháng 8/2007	Xí nghiệp Vật tư vận tải- Công ty CP đầu tư và Thương mại TNG	Giám đốc
Từ tháng 8/2007 đến 3/2011	Trung tâm thời trang TNG- công ty cổ phần đầu tư và thương mại TNG	Giám đốc
Từ tháng 3/2011 đến 11/2016	Công ty cổ phần Đầu tư và và phát triển TDT	Chủ tịch HĐQT
Từ tháng 11/ 2016 đến nay	Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển TDT	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 1.265.000 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 15,78 %)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân 1.265.000 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 15,78 %)
- Được ủy quyền đại diện 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan: 100.000 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 1,25 %)

(Nguyễn Thị Phương-Vợ)

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quy định của Công ty

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

❖ Ông Nguyễn Việt Thắng – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: **NGUYỄN VIỆT THẮNG**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm 24/07/1975

sinh:

Nơi sinh: Thái Nguyên

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ: Tổ 11, Phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

CMND: 090717849

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Năm 1995 đến 12/2004	Công ty Liên doanh vận tải biển Việt Pháp (Gematrans)	Trưởng đại diện hãng tàu OOCL tại Hà Nội
01/2005 đến 3/2011	Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	TVHĐQT- Trưởng phòng Kinh doanh
Từ 03/2011 đến nay	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT	Phó chủ tịch HĐQT-Phó Tổng Giám đốc

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 820.000 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 10,23 %)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân 820.000 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 10,23 %)
- Được ủy quyền đại diện 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan:

(Nguyễn Huy Quát –Bố 25.000 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0,31 %)

Trần Thị Thủy – Mẹ) 25.000 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0,31 %)

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quy định của Công ty

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

❖ Ông Đặng Đình Vụ – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: **ĐẶNG ĐÌNH VỤ**
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 14/9/1961
Nơi sinh: Thôn Phú Lộc- Xã Cẩm Vũ - huyện Cẩm Giàng – tỉnh Hải Dương.
Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ: Tổ 07 P.Trung Vương - TP Thái Nguyên- tỉnh Thái Nguyên
CMND: 090449137
Trình độ chuyên môn: Trung cấp cơ điện
Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Năm 1982 đến 12/2005	Công ty CP đầu tư và Thương mại TNG	Công nhân cơ điện
01/2006–12/2008	Công ty CP đầu tư và Thương mại TNG	Trưởng phòng quản lý thiết bị
01/2009–12/2014	Công ty CP đầu tư và Thương mại TNG	Giám đốc xí nghiệp
01/2014- 12/2015	Công ty CP đầu tư và Phát triển TDT	TVHĐQT
Từ 01/2016 - Nay	Công ty CP đầu tư và Phát triển TDT	TVHĐQT – Phó Tổng Giám đốc

Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 80.000 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0,99%)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân 80.000 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0,99%)
- Được ủy quyền đại diện 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan:

(Đặng Quang Hưng – Con đẻ) 5.500 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0,07%)

Các khoản nợ đối với Công ty: Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quy định của Công ty
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

❖ Ông Phạm Thái Hòa – Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Họ tên: **PHẠM THÁI HÒA**
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 20/09/1982
Nơi sinh: Trạm y tế Đường sắt- Thành phố Thái Nguyên- tỉnh Thái Nguyên
Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ: Tổ 19- P.Phú Xá- TP Thái Nguyên- tỉnh Thái Nguyên
CMND: 090752537
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/2008 đến 04/2010	Công ty CP Đầu tư và TM TNG	Nhân viên Phòng Kế toán
5/2010- 02/2011	Công ty CP đầu tư và TM TNG	Phó Phòng Kế toán
03/2011- 06/2011	Công ty CP đầu tư và TM TNG	Trưởng phòng Kế toán
07/2011- 06/2014	Công ty CP Đầu tư và phát triển TDT	Kế toán trưởng
Từ 06/2014- Nay	Công ty CP Đầu tư và phát triển TDT	TVHĐQT – Kế toán trưởng

Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 160.000 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 1,996 %)
Trong đó:
- Sở hữu cá nhân 160.000 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 1,996 %)
- Được ủy quyền đại diện 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quy định của Công ty

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

❖ Ông Dương Ngọc Hải - Thành viên HĐQT độc lập

Họ tên: **DƯƠNG NGỌC HẢI**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 17/02/1982

Nơi sinh: Thái Nguyên

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ: Tổ 18, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

CMND: 090762190

Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Quản Trị Kinh Doanh

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Công Ty TPS Thái Nguyên

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Năm 2006 đến tháng 10/2008	Sở Khoa Học Và Công Nghệ Thái Nguyên – Trung Tâm Thông Tin Công Nghệ	Cán Bộ
Tháng 10/2008 đến tháng 7/2015	Công Ty TNHH Công Nghệ Thông Tin H3T	Chủ tịch HĐQT
Từ tháng 8/2015 đến 8/2016	Công ty In Thái Nguyên	Chủ tịch HĐQT

Từ tháng 8/2016 đến nay	Công ty Cổ phần TPS Thái Nguyên	Chủ tịch HĐQT
Từ tháng 05/2018 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT	Thành viên HĐQT độc lập

Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0%)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân 0 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0%)
- Được ủy quyền đại diện 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quy định của Công ty

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

12.2. Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Chu Thuyên	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc
3	Đặng Đình Vụ	Phó Tổng Giám đốc

- ❖ Ông Chu Thuyên – Tổng giám đốc: Thông tin như trên
- ❖ Ông Nguyễn Việt Thắng – Phó Tổng Giám đốc: Thông tin như trên
- ❖ Ông Đặng Đình Vụ – Phó Tổng Giám đốc: Thông tin như trên

12.3. Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Nguyễn Huy Hoàng	Trưởng BKS
2	Đỗ Ngọc Tuyến	Thành viên BKS
3	Hà Thị Thu	Thành viên BKS

❖ Ông Nguyễn Huy Hoàng - Trưởng Ban kiểm soát

Họ tên: NGUYỄN HUY HOÀNG

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 01/10/1955

Nơi sinh: Xã Quang Hưng huyện Kiến Xương tỉnh Thái Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Tổ 14 phường Phan Đình Phùng TP Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên

CMND: 090022815

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế (Chuyên ngành kế toán doanh nghiệp)

Chức vụ hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Năm 2000 - 01/2003	Công ty May Thái Nguyên	Phó Giám đốc
01/2003 - 12/2005	Công ty cổ phần Đầu tư và thương mại TNG	Phó Tổng Giám đốc - thành viên HĐQT
01/2006 - 12/2010	Công ty cổ phần Đầu tư và thương mại TNG	Phó Tổng Giám đốc - Trưởng ban kiểm soát
01/2011 - 12/2011	Công ty cổ phần Đầu tư và thương mại TNG	Phó Tổng Giám đốc
Từ 01/2012 - Nay	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển TDT	Trưởng ban kiểm soát

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 330.000 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 4,12 %)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân 330.000 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 4,12 %)
- Được ủy quyền đại diện 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan:

(Nguyễn Huy Quát – Anh trai 25.000 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0,31 %)
 Nguyễn Phương Thảo – Con)

10.380 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0,13 %)

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác đối với Công ty: Theo quy định của công ty

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

❖ Ông Đỗ Ngọc Tuyển – Thành viên Ban kiểm soát

Họ tên: **ĐỖ NGỌC TUYỂN**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 15/12/1980

Nơi sinh: Quan Triều – Thái Nguyên

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Tổ 18 phường Phan Đình Phùng – TP Thái Nguyên – tỉnh Thái Nguyên

CMND: 090833848

Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản lý nhân lực

Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Năm 2002 -05/2005	Phòng Tổ chức Công ty CP Bê tông và Xây dựng TN	Nhân viên
06/2005 -06/2006	Phòng Tổ chức Công ty CP may XK Thái Nguyên	Nhân viên
07/2006 -08/2007	Phòng Tổ chức Công ty cổ phần may XK Thái Nguyên	Phó phòng
09/2007 - 11/2007	Phòng Tổ chức Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	Phó phòng
12/2007 -05/2010	Phòng Tổ chức Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	Nhân viên
06/2010 -08/2010	Phòng Tổ chức chi nhánh TNG 4 -Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	Trưởng phòng
09/2010 - 12/2010	Phòng Tổ chức Công ty cổ phần Đầu tư và	Phó phòng

	Thương mại TNG	
01/2011 -04/2011	Phòng Tổ chức Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	Trưởng phòng
Từ 05/2011 - Nay	Phòng Tổ chức Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT	Thành viên BKS - Trưởng phòng

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 20.000 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0,25 %)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân 20.000 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0,25 %)

- Được ủy quyền đại diện 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty Theo quy định của công ty

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

❖ Bà Hà Thị Thu – Thành viên Ban kiểm soát

Họ tên: **HÀ THỊ THU**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 03/10/1984

Nơi sinh: Thái Nguyên

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Tổ 39, Phường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

CMND: 090780197

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 06/2006 - 12/2010	Công ty cổ phần đầu tư và thương mại TNG	NV Kinh Doanh
01/2011- 08/2014	Công ty cổ phần đầu tư và thương mại TNG	TP Kinh Doanh- CN nhà máy TNG Sông Công
09/2014 - Nay	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển TDT	TP Kinh Doanh- Thành viên BKS

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 30.000 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0,37 %)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân 30.000 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0,37 %)
- Được ủy quyền đại diện 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan:

(Hà Thị Thùy Anh – Chị)

20.000 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0,25 %)

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quy định của Công ty

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

12.4. Kế toán trưởng

❖ Ông Phạm Thái Hòa – Kế toán trưởng: Thông tin như trên

13. Tài sản thuộc sở hữu Công ty

Bảng 30: Tình hình tài sản Công ty tại thời điểm 31/12/2017

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/Nguyên giá
Tài sản cố định hữu hình	96.941	53.587	0,55
Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	41.475	28.976	0,70
Máy móc, thiết bị	49.499	22.405	0,45
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5.004	2.018	0,4

Thiết bị văn phòng	709	188	0,27
Tài sản cố định hữu hình khác	254	-	-
Tài sản cố định vô hình	6.108	5.493	0,9
Quyền sử dụng đất (**)	6.108	5.493	0,9
Phần mềm kế toán, thiết kế	-	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 CTCP Đầu tư và Phát triển TDT)

Bảng 30: Tình hình tài sản Công ty tại thời điểm 31/03/2018

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	103.117	45.692	57.425
Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	45.570	13.213	32.357
Máy móc, thiết bị	51.486	28.528	22.958
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5.098	3.146	1.952
Hạ tầng, kỹ thuật, dụng cụ quản lý, tài sản khác	963	805	158
Tài sản cố định vô hình			
Quyền sử dụng đất (**)	6.108	646	5.462
Phần mềm kế toán, thiết kế	-	-	-

(Nguồn: BCTC Quý I năm 2018 của CTCP Đầu tư và Phát triển TDT)

+ Tình hình đất đai của Công ty:

Địa điểm	Diện tích (m ²)	Hình thức	Thời hạn thuê/sử dụng
Xã Thịnh Đức, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	1.983	Đất thuê	10 năm (từ T10/2015-T10/2025)
Xã Diềm Thụy, tỉnh Thái Nguyên	21.154,4	Quyền sử dụng đất số CT00969, CT03665 & CT	12/2060

03664

Đất thuê làm xưởng: Công ty thuê 1.983m² đất của 2 cá nhân là ông Nguyễn Huy Hoàng (Trưởng BKS) và ông Đỗ Ngọc Tuyền (thành viên BKS) để mở rộng xưởng sản xuất của xí nghiệp Thịnh Đức, thời hạn thuê đất là 10 năm (từ T10/2015-T10/2025), tiền thuê đất là 420 triệu đồng/năm, thanh toán tiền thuê đất là 5 năm một lần số tiền là 2,1 tỷ đồng. Công ty đã có kế hoạch mở rộng và xin quy hoạch tại vị trí đất của xí nghiệp Thịnh Đức khi được chấp thuận của cổ đông tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2018, sau đó Công ty trình lên UBND tỉnh Thái Nguyên về quy hoạch đầu tư mở rộng dự án của xí nghiệp Thịnh Đức.

Quyền sử dụng đất (**): Đây là chi phí Công ty giải phóng mặt bằng, Công ty đã được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp với các giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: CT00969, CT03665 & CT 03664 (Thời hạn thuê đến 2060, thuê đất trả tiền hằng năm) để thực hiện dự án theo giấy chứng nhận đầu tư số: 17121000095 cấp ngày 11/10/2011 do UBND tỉnh Thái Nguyên và Quyết định điều chỉnh dự án số: 2375/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung chứng nhận dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất hàng may sẵn, chần, ga, gói, đệm tại xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình đã cấp cho Công ty CP đầu tư và phát triển TDT thực hiện.

Bên cạnh các tài sản cố định, hiện nay công ty còn có Chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị: Triệu đồng

	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
Cải tạo và mở rộng nhà xưởng(*)	14.187	14.780	9.711
Tài sản dài hạn khác	5.059	3.820	4.040

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC Quý I năm 2018 CTCP Đầu tư và Phát triển TDT)

(*) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí mở rộng nhà xưởng xí nghiệp Thịnh Đức và xí nghiệp Diềm Thụy, trong đó chi phí đền bù tiền đất giải phóng mặt bằng là 8,2 tỷ (chiếm 55,4% tổng chi phí xây dựng cơ bản dở dang). Công tác này đã được triển khai từ giữa năm 2016, đến hết quý I/2018 một số hạng mục đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng, còn 03 hạng mục đã hoàn thành được 80% dự kiến sẽ hoàn thành vào Quý II/2018, việc đền bù giải phóng mặt bằng Công ty đã thực hiện xong, đang chờ UBND tỉnh cấp Giấy CNQSD đất, dự kiến hoàn thành vào Quý II/2018.

14. Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

Bảng 21: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm tài chính 2018 -2019

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019 (*)	
	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2017	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2018
Vốn điều lệ	80.150	0	-	-
Tổng Doanh thu	298.748	37,63	-	-
Lợi nhuận trước thuế	19.632	44,53	-	-
Lợi nhuận sau thuế	17.963	44,6	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Tổng Doanh thu	6,01%	/	-	-
Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ	22,41	/	-	-
Tỷ lệ cổ tức	15%	/	-	-

(Nguồn: NQ ĐHCĐ thường niên năm 2018 CTCP Đầu tư và Phát triển TDT)

() Đến thời điểm hiện tại công ty chưa xây dựng kế hoạch kinh doanh cho năm 2019*

❖ Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Tính đến hết quý I/2018, doanh thu thuần công ty đạt 37,445 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 0,788 tỷ đồng, tương ứng đạt 12,5% kế hoạch doanh thu thuần và 4,74% kế hoạch lợi nhuận sau thuế của năm 2018. Hoạt động kinh doanh của Công ty trong ba tháng đầu năm 2018 đạt kết quả thấp là do tính chất mùa vụ trong hoạt động của Công ty, hàng hóa xuất khẩu trong quý này thấp, giá trị không lớn, hơn nữa hoạt động kinh doanh bị ngắt quãng trong thời điểm nghỉ tết nguyên đán. Và thời điểm xuất khẩu được đẩy mạnh từ Quý 2/2018.

Tính đến nay, công ty đã ký kết và đang thực hiện các hợp đồng với đối tác trị giá 6,51 triệu USD tương đương 147 tỷ đồng (như đề cập tại mục 6.8). Dự kiến trong năm 2018, công ty sẽ tiếp tục ký kết hợp đồng với đối tác với giá trị hợp đồng dự kiến là 8,5 triệu USD tương đương với 195,5 tỷ đồng. Như vậy, tổng giá trị hợp đồng dự kiến cho cả năm 2018 là 342,5 tỷ đồng. Công ty có thể đạt được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đã đề ra. Với tình hình ký kết hợp đồng như trên thì chắc chắn Công ty sẽ đạt được kết quả đã đề ra.

Ngoài ra, Công ty dự kiến sẽ có các giải pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

- Các giải pháp về thị trường

- Xây dựng chiến lược phát triển thị trường sản phẩm, tập trung phát triển ở những thị trường khách hàng trọng điểm: công ty sẽ đăng ký tham dự 03 triển lãm may mặc tổ chức tại Việt Nam và nước ngoài để tiếp thị và tìm kiếm đối tác mới;
- Duy trì và cải thiện mối quan hệ tốt với các khách hàng lâu năm thông qua các chiến dịch chăm sóc khách hàng như các khách hàng Mỹ, Châu Âu, Hàn Quốc.....
- Mở rộng phân khúc sản phẩm FOB chỉ định và tiến tới là FOB tự search để đạt được biên lợi nhuận cao hơn.
 - Các giải pháp về sản xuất và cung cấp dịch vụ
 - Nghiên cứu để đưa ra quy trình sản xuất tối ưu, giảm thất thoát nguyên vật liệu.
 - Nâng cao năng suất làm việc của nhân công, giảm thời gian thực hiện giữa các khâu để từ đó nhận thêm đơn hàng, tăng doanh thu.
 - Các giải pháp về tài chính
 - Nâng cao trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ kế toán, giám sát chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm soát công nợ và thời hạn thanh toán;
 - Xác định chính xác nhu cầu vốn theo hướng chủ động tài chính, bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo huy động vốn, sử dụng vốn hiệu quả.
 - Các giải pháp về kỹ thuật - an toàn
 - Cập nhật các thành tựu kỹ thuật mới trong ngành;
 - Chủ động xây dựng kế hoạch đổi mới trang thiết bị sản xuất để giảm thiểu thất thoát điện năng;
 - Duy trì các hoạt động quản lý an toàn, phòng chống cháy nổ;
 - Xây dựng hệ thống thông tin trong toàn Công ty.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Là đơn vị tư vấn tài chính chuyên nghiệp, Công ty cổ phần Chứng khoán VNDIRECT đã thu thập thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT.

Chúng tôi nhận thấy kế hoạch kinh doanh của Công ty đặt ra trên cơ sở thận trọng dựa vào đánh giá tình hình kinh doanh và kinh nghiệm của bộ máy điều hành. Công ty đã tích cực trong việc đẩy mạnh doanh thu, tiết kiệm chi phí hoạt động kinh doanh và chi phí quản lý, tuy nhiên để đạt được kế hoạch kinh doanh trên, Công ty vẫn cần sự nỗ lực rất lớn từ trong nội tại Công ty kết hợp với yếu tố thị trường thuận lợi. Nếu không có những biến động bất thường gây ra ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì kế hoạch doanh thu và lợi nhuận mà Công ty đề ra trong năm tài chính 2018 là hoàn toàn có thể đạt được.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do Công ty cung cấp, thu thập có chọn

lọc, dựa trên lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho nhà đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết

Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**1. Loại chứng khoán**

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phiếu

3. Mã chứng khoán

TDT

4. Tổng số chứng khoán niêm yết

8.015.040 cổ phiếu

5. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết

Căn cứ Điểm d Khoản 1 Điều 54 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 quy định, Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát. Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng Công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân đại diện nắm giữ.

Tổng số lượng cổ phiếu của CTCP Đầu tư và Phát triển TDT bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định trên là: 2.705.000 cổ phiếu (trong 06 tháng kể từ ngày niêm yết) và 1.352.500 cổ phiếu (trong 06 tháng kể từ ngày niêm yết). Cụ thể:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 12 tháng kể từ ngày niêm yết
1	Chu Thuyên	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.265.000	632.500
2	Nguyễn Việt Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	820.000	410.000
3	Đặng Đình Vụ	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	80.000	40.000
4	Phạm Thái Hòa	Thành viên HĐQT kiêm Kế	160.000	80.000

STT	Họ và Tên	Chức vụ	SLCP cam kết năm giữ trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết	SLCP cam kết năm giữ trong thời gian 12 tháng kể từ ngày niêm yết
		toán trưởng		
5	Dương Ngọc Hải	Thành viên HĐQT độc lập	-	-
6	Nguyễn Huy Hoàng	Trưởng Ban Kiểm soát	330.000	165.000
7	Đỗ Ngọc Tuyền	Thành viên BKS	20.000	10.000
8	Hà Thị Thu	Thành viên BKS	30.000	15.000
	Tổng cộng		2.705.000	1.352.500

6. Giá trị sổ sách

- Giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2016, ngày 31/12/2017 và 31/03/2018 của cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT như sau:

❖ Giá trị sổ sách Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
Vốn chủ sở hữu	đồng	54.014.727.277	94.314.968.577	95.103.686.307
Số lượng cổ phiếu	Cổ phiếu	4.356.000	8.015.040	8.015.040
Giá trị sổ sách trên 1 cổ phiếu	Đồng	12.400	11.767	11.866

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC Quý I/2018 của CTCP Đầu tư và Phát triển TDT)

7. Phương pháp định giá

Giá tham chiếu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT được tính toán dựa trên Phương pháp hệ số tương quan. Cụ thể như sau:

❖ Phương pháp so sánh P/B (Chỉ số giá cổ phiếu/Giá trị sổ sách mỗi cổ phần)

Giá cổ phiếu theo phương pháp hệ số giá cổ phiếu trên giá trị sổ sách của mỗi cổ phần (P/B). Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của Công ty được tính theo công thức sau:

$$P = BV \times P/B \text{ bình quân}$$

Trong đó:

- + P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/B)
- + BV: Giá trị sổ sách 1 cổ phần của Công ty.

- + P/B bình quân: Được tính toán dựa trên tổng hợp P/B cơ bản của một số công ty cùng ngành đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

❖ **Phương pháp so sánh P/E (Chỉ số giá cổ phiếu/Thu nhập trên mỗi cổ phần)**

Giá cổ phiếu theo phương pháp hệ số giá cổ phiếu trên mức sinh lời bình quân của mỗi cổ phần (P/E). Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của Công ty được tính theo công thức sau:

$$P = \text{EPS} \times \text{P/E bình quân}$$

Trong đó:

- + P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/E)
- + EPS: Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu.
- + P/E bình quân: Được tính toán dựa trên tổng hợp P/E cơ bản của một số công ty cùng ngành đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ vào các phương pháp xác định giá trên và một số phương pháp phù hợp khác, Hội đồng quản trị Công ty sẽ tính toán và ra quyết định về mức giá tham chiếu, công bố cho các Nhà đầu tư theo đúng quy định của Pháp luật.

8. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT hiện chưa có quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần Công ty.

Sau khi cổ phiếu công ty đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài Chính về Hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Đầu tư và Phát triển TDT là sản xuất hàng may sẵn. Đây là ngành nghề kinh doanh không điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Do vậy tỷ lệ sở hữu được phép nắm giữ tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 100%.

Tính đến 20/4/2018, tỷ lệ nắm giữ của cổ đông nước ngoài (bao gồm tổ chức và cá nhân) tại CTCP Đầu tư và Phát triển TDT là 0 cổ phần.

9. Các loại thuế có liên quan

9.1. Đối với Công ty

❖ Thuế thu nhập doanh nghiệp

- ❖ Theo giấy chứng nhận đầu tư số: 17121000095 cấp ngày 11/10/2011 do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp và Quyết định điều chỉnh dự án của UBND tỉnh Thái Nguyên số: 2375/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung chứng nhận dự án đầu tư dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất hàng may sẵn, chăn, ga, gối, đệm tại xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình đã cấp cho Công ty CP đầu tư và phát triển TDT thực hiện, Công ty xác định ưu đãi đầu tư theo Nghị định 108/2006/NĐ-CP và Nghị định 124/2008/NĐ-NĐ-CP. Tại mục 4 Điều 15, mục 3 Điều 16 Chương IV Nghị định 124/2008/NĐ-CP, thuế suất ưu đãi 20% trong vòng 10 năm, miễn thuế 02 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Tại mục 2 điều 20, chương V của nghị định 218/2013/NĐ-CP nêu rõ, tính đến hết kỳ tính thuế năm 2015 trường hợp doanh nghiệp có dự án đầu tư đang được áp dụng thuế suất ưu đãi là 20% quy định tại khoản 3 điều 15 nghị định này kể từ 01 tháng 01 năm 2016 được chuyển sang áp dụng thuế suất 17% cho thời gian còn lại. Công ty có thu nhập chịu thuế kể từ năm 2013, miễn thuế 02 năm là năm 2013 và 2014, giảm 50% số thuế phải nộp của 04 năm tiếp theo là năm 2015 đến 2018

❖ Thuế giá trị gia tăng (VAT)

- Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Thuế suất thuế giá trị gia tăng mà Công ty phải chịu là 10%.

9.2. Đối với nhà đầu tư

❖ Đối với nhà đầu tư cá nhân

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

- Đối với nhà đầu tư trong nước: thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Việc áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 4a. Điều 2. Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 27/6/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân và căn cứ khoản 5. Điều 16. Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế thì: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần đối với cá nhân cư trú.
- Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

Thu nhập từ cổ tức

- Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.
- Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thương, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

❖ Đối với nhà đầu tư tổ chức

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

- Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.
- Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

Thu nhập từ cổ tức: Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI TỔ CHỨC NIÊM YẾT

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Trụ sở chính : Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

Điện thoại : (84 - 24) 3972 4568 **Fax:** (84 - 24) 3972 4600

Website : www.vndirect.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BCTC NĂM 2017

CÔNG TY TNHH PKF VIỆT NAM

Trụ sở chính: Tầng 10, tòa nhà Center Building, Hapulico Complex, Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại : (84 - 24) 6664 4488 **Fax:** (84 - 24) 6664 2233

Website : <http://www.pkf.com.vn>

VII. PHỤ LỤC

Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

Phụ lục II: Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT;

Phụ lục IV: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017;

Phụ lục V: Báo cáo tài chính Quý I/2018

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT



Thái Nguyên, ngày 20 tháng 06 năm 2018

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG GIÁM ĐỐC



Chu Thuyên


KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phạm Thái Hòa

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Nguyễn Huy Hoàng

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH *Handwritten signature*

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
VNDIRECT
HÀ NỘI
HƯƠNG